

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

“Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.

Tôi nhìn ra cái tàu lặn nghiêng đã mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhận nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và người thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lặn ra chết, tinh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bốn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một sổ tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dẫu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thom thảo vào sự sống.

(Trích Tờ hoa – Nguyễn Tuân)

Câu 1. Hãy chỉ rõ những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích

Câu 2. Theo tác giả, đời sống con ong để lại cho người đọc bài học gì?

Câu 3. Nêu hiệu quả của việc sử dụng các thông tin *một nửa lít mật ong, 5 vạn thứ hoa, 8.000.000 cây số* trong đoạn trích.

Câu 4. Qua các cụm từ *“Tôi nhìn...”*, *“Giờ tôi mới biết rằng...”*, *“cái tôi thấy say say...”* anh chị hiểu gì về cái “tôi” trữ tình của nhà văn trong tùy bút?

Câu 5. Từ suy ngẫm của tác giả *“ cái tôi thấy say say trong chính mình là dẫu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thom thảo vào sự sống”*, anh chị hãy rút ra bài học về lẽ sống của bản thân.

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Anh chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận về hình tượng người lính đảo trong đoạn thơ sau :

ĐỒNG ĐỘI TÔI TRÊN ĐẢO THUYỀN CHÀI

*Lều bạt chung chiêng giữa nước, giữa trời
Đến một cái gai cũng không sống được
Sớm mở mắt, nắng lửa ngun ngút
Đêm trong lều như trôi trong mây...*

*...Đảo tự giấu mình trong màu nước lam xanh
Cái giọt máu thiêng dưới ngầu ngầu bọt sóng
Tổ quốc ơi! Tiếng chúng tôi kêu lên mà mắt chúng tôi nhìn xuống
Bóng chúng tôi trùm khắp đảo Thuyền Chài..*

Đảo Thuyền Chài, 5-1978

(Trần Đăng Khoa, “Bên cửa sổ máy bay”, NXB Tác phẩm mới, 1985)

Chú thích :

-Đảo Thuyền Chài : là một rạn san hô vòng thuộc Quần đảo Trường Sa , ở đó có ba bãi cát nhỏ, khi thủy triều xuống thì cao hơn mặt nước khoảng 0,5 m, khi thủy triều lên thì ngập khoảng 1,0 m

Câu 2 (4.0 điểm)

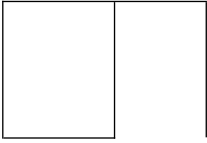
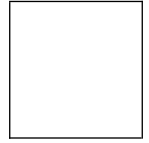
Anh chị hãy viết bài văn khoảng 600 chữ trình bày suy nghĩ về thái độ cần có của tuổi trẻ trước việc bán hàng rong trên đường phố hiện nay.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
Phần		ĐỌC HIỂU	4,0
I	1	Trong đoạn văn trên tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt: tự sự (kể về câu chuyện của loài bướm, loài ong), miêu tả (tả về công trường thi công, loài bướm, loài ong), biểu cảm (thể hiện cảm xúc trước sự cần mẫn và tích lũy của loài ong)	0,5
	2	Theo tác giả, đời sống con ong để lại cho người đọc một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo (0.5đ)	0,5
	3	Hiệu quả của việc sử dụng các thông tin một nửa lít mật ong, 5 vạn thứ hoa, 8.000.000 cây số. trong đoạn trích : + Đây là các thông tin về quá trình làm ra một giọt mật của con ong được các nhà nghiên cứu theo dõi và ghi chép lại + Tác giả sử dụng các thông tin trên làm tăng tính thuyết phục, gợi hình, gợi cảm cho bài viết, giúp người đọc thêm hiểu biết về thế giới loài ong	1,0
	4	Qua các cụm từ “Tôi nhìn...”, “Giờ tôi mới biết rằng...”, “cái tôi thấy say say...” ta thấy được cái “tôi” trong thể tùy bút của nhà văn Nguyễn Tuân đó là: Cái tôi thể hiện trực tiếp trong tác phẩm và cái tôi đó có được là từ sự quan sát, trải nghiệm và tưởng tượng của tác giả.	1.0
	5	Học sinh phải nêu cách hiểu về suy ngẫm của tác giả, từ đó liên hệ để rút ra bài học về lẽ sống của bản thân : + Suy ngẫm của tác giả qua câu văn : Tuy chưa làm được điều kì diệu , phi thường như con ong, nhưng ông nhận thấy mình cũng giống ong, đang cần mẫn, hăng say, đóng góp sức lực nhỏ bé của mình cho đất nước + Phần liên hệ bản thân : Học sinh có thể chọn bài học về sự kiên trì, nhẫn nại/ sự chăm chỉ, siêng năng/ sự cống hiến, hi sinh cho cộng đồng, dân tộc,.....	1.0
II		PHẦN VIẾT	6,0
		Câu 1	2,0

1	Hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ, cảm nhận của anh/ chị về tình yêu quê hương của tác giả trong đoạn thơ	
	<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i></p> <p>- Dung lượng đoạn văn: khoảng 200 chữ, 2/3 trang giấy thi.</p> <p>- Hình thức: HS có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, song hành hoặc móc xích.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p>	0,25
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i></p> <p>Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <p>+ Người lính trong đoạn thơ trên là những con người gan dạ, dũng cảm, lạc quan, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, là tấm gương sáng để thế hệ trẻ noi theo. Dù điều kiện sống nơi biên đảo vô cùng khắc nghiệt (sóng gió nơi đây rất dữ dội, thiên nhiên khắc nghiệt đến nỗi một cái gai cũng không sống được), nhưng họ vẫn quyết trụ vững, quyết bảo vệ chủ quyền. Tình yêu đất nước được thể hiện qua tiếng gọi thân thương, nhưng trên hết vẫn là ý thức trách nhiệm gìn giữ bảo vệ Tổ quốc. Vẻ đẹp ấy được cảm nhận với tâm hồn nghệ sĩ gần bó và giàu yêu thương, cảm phục</p> <p>+Vẻ đẹp người lính đảo được vẽ nên bằng những từ ngữ giàu hình ảnh (hệ thống từ láy : <i>chung chiêng, ngun ngút</i>), biện pháp tu từ (so sánh : <i>đêm trong lều như trôi trong mây</i> ; ẩn dụ : <i>Cái giọt máu thiêng</i>)</p>	0,5
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p>	0,5
	<p><i>đ. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Thái độ cần có của tuổi trẻ trước việc bán hàng rong trên đường phố hiện nay	4,0

	a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i>	0,5
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. - Xác định được ý chính của bài viết. - Xác định các ý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: -Giải thích : “bán hàng rong” là gì/ Biểu hiện của việc bán hàng rong như thế nào? -Phân tích : Mặt tích cực và tồn tại của việc bán hàng rong -Thái độ cần thiết của tuổi trẻ : Không coi thường, dè bieu người bán hàng rong bởi họ cũng vì miếng cơm, manh áo / Không thờ ơ hoặc hưởng ứng những mặt hàng mất vệ sinh an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc/ Tuyên truyền vận động người bán hàng rong có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh, không lấn chiếm lòng đường gây mất an toàn giao thông * Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.	1,0
	d. <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	đ. <i>Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	e. <i>Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5



TỔNG ĐIỂM: I + II = 10,0

10,0

ĐỀ 2
ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12
I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)**Đọc đoạn trích sau:**

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chường ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chường ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó. Thằng con nhón nhất thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua, con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra vườn lấy bó lúa, đem đi xuống dưới chân vò nát, vét hạt thóc giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét, mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi ngoài trời giá lạnh rít qua mái tranh.

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ

con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi giữ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hy, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lò, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng bức, con bác Lê đùa nào cũng lở đầu. Bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại càng giống mẹ con một đàn gà, mà những con gà con người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẫn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội.

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hy hơn cả. Nó là con thứ chín, ốm yếu, và xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

(Nhà mẹ Lê, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Xác định đề tài của văn bản.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu : "*Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết*".

Câu 4. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 5. Trình bày thông điệp ý nghĩa nhất mà em nhận được từ đoạn trích trên.

II. VIẾT (6.0 điểm)

Cảm nhận của anh chị về hai đoạn thơ sau:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người
Nắng mưa là bệnh của giời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng

(Nguyễn Bính – *Tương Tư*, *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986,
Tr 54- 56)

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Ý	Điểm
I. Đọc hiểu	1	<p>- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm</i></p> <p><i>HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm</i></p>	0,5
	2	<p>Đề tài của văn bản : Phản ánh cuộc sống của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm</i></p> <p><i>HS trả lời chưa đầy đủ : 0,25 điểm</i></p> <p><i>HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm</i></p>	0,5
	3	<p>* Biện pháp tu từ so sánh: <i>thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết.</i></p> <p>* Tác dụng:</p> <p>+ Nghệ thuật: Làm tăng tính gợi hình gợi cảm, giúp cho việc miêu tả cụ thể hình ảnh những đứa trẻ nghèo không có áo ấm mặc trong mùa đông giá rét.</p> <p>+ Nội dung: Tác giả so sánh con người với con vật, lại là con vật chết gợi lên một hình ảnh đầy ám ảnh, khắc sâu sự nghèo khổ, tội nghiệp, đáng thương của những đứa trẻ con nhà mẹ Lê.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm</i></p> <p><i>HS trả lời tương đối đầy đủ : 0,75 điểm</i></p> <p><i>HS trả lời được 1 ý về tác dụng: 0,5 điểm.</i></p> <p><i>HS chạm được 1 ý về biểu hiện hoặc 1 tác dụng chưa đầy đủ :</i></p>	1,0

		<p>0,25 điểm Hướng dẫn chấm: HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm HS trả lời tương đối đầy đủ : 0,75 điểm HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm Học sinh trả lời khác về tác dụng của biện pháp so sánh mà hợp lí vẫn cho điểm tối đa.</p>	
	4	<p>Nội dung chính của đoạn trích: Cuộc sống nghèo khổ, khốn cùng và tình thương yêu con sâu sắc của mẹ Lê – người mẹ nghèo, đông con. Hướng dẫn chấm: HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm HS trả lời tương đối đầy đủ : 0,75 điểm HS trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm. HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm</p>	1,0
	5	<p>Thông điệp ý nghĩa nhất mà em nhận được từ đoạn trích: Gợi ý một số thông điệp: Tình mẫu tử là thiêng liêng nhất. Hãy luôn yêu thương và trân trọng những điều mẹ dành cho mình. Hướng dẫn chấm: HS trả lời một thông điệp: 0,5 điểm HS trả lời chạm ý : 0,25 HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm</p>	1,0
II. Viết	a.	<p>Đảm bảo cấu trúc của bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài: Mở bài nêu được vấn đề. Thân bài triển khai được vấn đề. Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	b.	<p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận về hai đoạn thơ “Tương tư” của Nguyễn Bính và “Việt Bắc” của Tố Hữu.</p>	0,5
	c.	<p>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	

	<p>- Giới thiệu về Nguyễn Bính và bài thơ Tương tư</p> <p>- Giới thiệu về Tố Hữu và bài thơ Việt Bắc</p> <p>- Nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm:</p> <p>+ Trong các nhà thơ Mới, Nguyễn Bính được xem là nhà thơ thành công trong mảng thơ ca dân dã. Bài thơ dân dã nào của ông cũng dậy lên được hồn quê. Hồn quê ấy là sự hòa điệu của nhiều yếu tố thuộc cả nội dung và hình thức.</p> <p>+ Trong áng văn của Nguyễn Bính còn chứa đựng tiếng nói, suy tư của nhà thơ đối với những mảnh đời nhỏ bé</p> <p>+ Tố Hữu luôn hướng ngòi bút của mình bắt kịp mọi khoảnh khắc của cuộc kháng chiến chống Pháp. Bởi thế, ông được mệnh danh là “ lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam”.</p> <p>- Phân tích đoạn thơ trong bài “Tương tư”</p> <p>+ Tâm trạng tương tư của chàng trai quê được bộc lộ thành nỗi nhớ mong da diết, trăn trở...</p> <p>+ Niềm mong nhớ gắn liền với khung cảnh làng quê khiến cho cả không gian như nhuốm đầy nỗi tương tư.</p> <p>+ Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, chất liệu ngôn từ chân quê, các biện pháp tu từ....</p> <p>- Phân tích đoạn thơ trong bài thơ “ Việt Bắc”</p> <p>+ Nỗi nhớ thiết tha, sâu nặng cả những người cán bộ kháng chiến.</p> <p>+ Hiện lên trong nỗi nhớ là hình ảnh Việt Bắc thân thương..</p> <p>+ Nghệ thuật: thể thơ lục bát, hình ảnh gợi cảm, các phép đối</p> <p>- So sánh hai đoạn thơ</p> <p>+ Tương đồng: Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ da diết, sâu nặng, sử dụng thể thơ lục bát điêu luyện.</p> <p>+ Khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đoạn thơ trong Tương tư là nỗi nhớ tình yêu đôi lứa, gắn với làng quê Bắc Bộ... • Đoạn thơ trong Việt Bắc là nỗi nhớ của tình cảm cách mạng, gắn với không gian núi rừng Việt Bắc <p>- Đánh giá chung về nét đặc sắc của hai đoạn thơ.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</p> <p>Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p>	<p>0,25</p>

	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm: 4,0 + 6,0 = 10,0		

ĐỀ 3

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn trích sau :**

Những bông lúa vàng mới cắt xong đều xếp rải rác từng hàng trên bờ ruộng, trong đám cỏ xanh mọc dày. Mỗi khi gặt được vài lượm lúa người thợ hái ôm sát bó lúa thơm vào người, đem ra xếp vào chỗ lúa trước. Rồi họ lại trở vào ruộng, đứng theo hàng những người bạn gặt. Tiếng hái đưa vào góc lúa xoàn xoạt như tiếng trâu bò ăn cỏ.

Chăm chú vào công việc làm, Tân không để ý gì đến cảnh vật chung quanh. Chàng cũng không thấy mệt nữa, tuy ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát, và mồ hôi từng giọt rơi ở trên trán xuống. Tân chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn, mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất lẫn với mùi rạ ướt mới cắt. Mùi thơm đó làm cho chàng say sưa như men rượu.

[...] Tân nằm trên thảm cỏ, nhìn lên. Qua khe lá lung lay, chàng thấy trời xanh trong và mát. Mùi cỏ và mùi lúa thơm bốc lên xung quanh, Tân cảm thấy cái sung sướng của một người làm xong công việc. Chàng thấy vui vẻ, một mối tình nảy nở giữa tâm hồn Tân với những người thợ gặt giản dị và mộc mạc chung quanh chàng.

Họ làm việc xong cũng vui vẻ, sung sướng tuy những lúa gặt không phải là của họ. Tân cũng vậy, chàng biết rằng những bó lúa kia đem bán đi thì có lẽ không đủ tiền trả công người làm. Song những bông lúa ấy đối với Tân quý lắm và như có một ý nghĩa thiêng liêng, đấy là kết quả của cả một năm làm lụng khó nhọc và vất vả...

(Trích truyện ngắn Những ngày mới, Thạch Lam, Dẫn theo SachHayOnline.com)

Chú thích:

* Thạch Lam (1910 – 1942) là nhà văn có biệt tài về truyện ngắn. Ông thường viết về những truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác thế giới nội tâm nhân vật với những xúc cảm mong manh, mơ hồ trong cuộc sống thường ngày. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

* "Những ngày mới" là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Thạch Lam, có sự hòa quyện giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn trữ tình.

* Bối cảnh của đoạn trích: Tân là một chàng trai trẻ sống ở làng quê nghèo. Từ nhỏ, cha mẹ đã gửi Tân ở nhà ông chú trên Hà Nội với mong muốn Tân đi học để trở thành thầy thông hay thầy ký. Mười tám tuổi Tân đã thực hiện được điều mà anh và gia đình mong muốn. Anh ở lại Hà Nội làm việc. Khi có nạn kinh tế, Tân mất việc. Cha anh buồn

rầu từ trần, anh sống cuộc đời vất vưởng của người thất nghiệp ở Hà Nội mấy tháng trời. Cuối cùng anh quyết định về quê sống...

Thực hiện các yêu cầu/Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu: “Tiếng hái đưa vào góc lúa xoàn xoạt như tiếng trâu bò ăn cỏ”.

Câu 4. Nhận xét tâm trạng của nhân vật Tân trong đoạn văn sau: “Tân chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn, mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất lẫn với mùi rạ ướt mới cắt. Mùi thơm đó làm cho chàng say sưa như men rượu”.

Câu 5. Thông điệp sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra được qua đoạn trích trên là gì? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Nắng mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

(Trích “Tương tư”- Nguyễn Bính, SGK Ngữ văn 11, tập 2, NXBGD, tr. 49)

Nhớ bản sương giăng, như đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!

(Trích “Tiếng hát con tàu”- Chế Lan Viên, SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD, tr. 142)

*** Chú thích:**

(1)- Nguyễn Bính (1918-1966) được coi là “thi sĩ của đồng quê”. Bằng lối ví von mộc mạc mà duyên dáng mang phong vị dân gian, thơ Nguyễn Bính đã đem đến cho người đọc những hình ảnh thân thương của quê hương đất nước và tình người đầm thắm, thiết tha.

- Bài thơ “Tương tư” rút trong tập “Lỡ bước sang ngang”, rất tiêu biểu cho phong cách thơ “chân quê” của Nguyễn Bính

- Tương tư: nỗi nhớ mong của trai gái khi yêu nhau; có khi được dùng để diễn tả nỗi nhớ đơn phương

- Thôn Đoài: thôn ở phía Tây

(2) – Chế Lan Viên (1920-1989) là nhà thơ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam. Thơ Chế Lan Viên giàu chất suy tưởng triết lý với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo.

- Bài thơ “Tiếng hát con tàu” rút từ tập “Ánh sáng và phù sa”, được gợi cảm hứng từ một sự kiện kinh tế- chính trị, xã hội: cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc vào những năm 1958-1960.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Miêu tả, biểu cảm, tự sự Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời được 1-2 phương thức: 0,25 điểm	0.5
	2	Ngôi thứ ba	0.5
	3	- Biện pháp tu từ: So sánh: tiếng lưỡi hái cắt lúa - tiếng trâu ăn cỏ. - Tác dụng: + Tăng sức biểu đạt, sự sinh động, gợi hình gợi cảm cho câu văn + Nhấn mạnh âm thanh đặc trưng của mùa gặt, cho thấy được khung cảnh nhộn nhịp, hối hả thu hoạch trên đồng lúa chín. + Cho thấy sự gắn bó của Tân với cuộc sống nơi làng quê Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương tự đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm	1.0
	4	- Tân đắm mình trong lao động dưới ánh nắng mặt trời nên chàng ngửi thấy mùi hương của lúa chín, của rơm rạ quện vào nhau, chính mùi hương đặc trưng của mùa gặt đã khiến Tân say sưa trong niềm vui, sự hân hoan khi tham gia vào quá trình lao động ở quê hương, chất men say của cuộc sống thường nhật như thấm đẫm trong từng bông lúa chín mà chàng gặt hái. - Cho thấy sự gắn bó và tình yêu của Tân với mảnh đất và con người quê hương mình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương tự đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm	1.0

	5	<p>Rút ra được thông điệp sâu sắc nhất từ đoạn trích trên và lí giải.</p> <p>Có thể lựa chọn một trong số các thông điệp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải biết trân quý công sức lao động của con người và của chính bản thân mình - Cần phải hăng say trong lao động sản xuất - Phải có tình yêu trong công việc... <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm. - Lí giải thông điệp: <ul style="list-style-type: none"> + Hợp lí, thuyết phục: 0,75 điểm + Tương đối phù hợp nhưng chưa được thuyết phục: 0,5 điểm. + Lí giải chưa rõ: 0,25 điểm. + Chưa phù hợp: 0 điểm 	1,0
II		VIẾT	6,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: so sánh, đánh giá hai đoạn thơ trong đề bài</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ, chưa đúng trọng tâm vấn đề nghị luận: 0,25 điểm. 	0,50
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>* Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích.</p>	4,50

	<p>* So sánh, đánh giá hai đoạn thơ</p> <p>a. Điểm tương đồng:</p> <p>- Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ da diết, tình cảm sâu nặng của nhân vật trữ tình</p> <p>b. Điểm khác biệt:</p> <p>b.1. Đoạn thơ trong bài “Tương tư” của Nguyễn Bính</p> <p>– Nội dung</p> <p>+ Tâm trạng tương tư của chàng trai quê được bộc lộ thành những nhớ mong da diết, trĩu nặng. Nỗi niềm ấy được xem như một quy luật tự nhiên không thể cưỡng lại, một thứ “tâm bệnh” khó chữa của người đang yêu.</p> <p>+ Niềm mong nhớ gắn liền với khung cảnh làng quê khiến cho cả không gian như cũng nhuốm đầy nỗi tương tư.</p> <p>– Nghệ thuật</p> <p>+ Thể thơ lục bát thấm đượm phong vị ca dao.</p> <p>+ Chất liệu ngôn từ chân quê với những địa danh, thành ngữ gần gũi; cách tổ chức lời thơ độc đáo; sử dụng nhuần nhuyễn nhiều biện pháp tu từ: hoán dụ, nhân hoá, đối sánh, tăng tiến,..</p> <p>b.2. Đoạn thơ trong bài “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan viên</p> <p>– Nội dung</p> <p>+ Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ da diết núi rừng Tây Bắc với cảnh vật đặc trưng của núi rừng: bản sương giăng, đèo mây phủ.</p> <p>+ Khẳng định ân tình với mảnh đất từng gắn bó: tình yêu làm đất lạ hoá quê hương</p> <p>– Nghệ thuật</p> <p>+ Thể thơ tự do.</p> <p>+ Giọng thơ đầy chất suy tưởng và triết lí ...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc vấn đề: 2.0 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ nhưng chưa sâu sắc vấn đề: 1,25-1,75 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ vấn đề: 0,75-1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ vấn đề: 0,25-0,5 điểm.</p> <p>* Đánh giá.</p> <p>- Hai đoạn thơ có cả nét tương đồng và nét khác biệt về cảm hứng chủ đạo,</p>	<p>(0,5)</p> <p>(1,0)</p> <p>(1,0)</p> <p>(1,0)</p>
--	---	---

	<p>tư tưởng và hình thức thể hiện.</p> <p>- Đây là hai đoạn thơ trong hai bài thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Bính và Chế Lan Viên; góp phần làm đa dạng, phong phú cho diện mạo thơ ca Việt Nam hiện đại.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh đánh giá được 2 yêu cầu: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh đánh giá được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.</p>	(1,0)
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0,50

ĐỀ 4

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...] Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hồn hào, lười biếng, má nó biếu: "Lại coi thằng Hết kìa! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lụi hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".

[...] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lẳng tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua tay: "An rồi. An cơm với thằng Hết rồi". Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút [...].

Bữa nào anh Hết cũng chống mõng thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mòn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biếu cứ ăn trước đi chờ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ậng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng [...]. Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, " Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi...". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chờ che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tung đuối nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình [...]

(Trích **Hiu hiu gió bắc**, Nguyễn Ngọc Tư, Fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Liệt kê một số chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật cha anh Hết.

Câu 3. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 4. Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật anh Hết được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Qua văn bản, hãy nêu một thông điệp mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

- Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó...

(Nguyễn Khoa Điềm, trích *Mặt đường khát vọng*, in trong *Thơ Việt Nam*
1975, NXB Văn học, Hà Nội, 1985, tr 212 -213)

1945 –

- *Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu*
Nghe dịu nỗi đau của mẹ
Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ
Các anh không về, mình mẹ lặng im.
Đất nước tôi
Từ thửa còn nằm nôi
Sáng chắn bão dông, chiều ngăn nắng lửa
Lao xao trưa hè một giọng ca dao

Xin hát về Người, đất nước ơi!

Xin hát về Mẹ, Tổ quốc ơi!

Suốt đời lam lũ

Thương lũy tre làng bãi dâu, bến nước

Yêu trọn tình đời, muối mặn gừng cay...

(Tạ Hữu Yên, *Đất nước*, in trong *Tuyển tập Tạ Hữu Yên*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội,
2006)

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Ngôi kể của người kể chuyện: Ngôi thứ 3 Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.	0,5
	2	Liệt kê một số chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật cha anh Hết: <i>tật lẳng tai; mắt mũi tèm nhèm; đầu bạc</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời từ 02 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 01 chi tiết: 0,25 điểm	0,5

[illegible]

	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hai đoạn thơ(thuộc bài thơ nào, ai là tác giả) - Hai đoạn thơ có những điểm giống và khác nhau về nội dung và hình thức nghệ thuật . 	0,5
	<p>B. TB</p> <ul style="list-style-type: none"> * Khái quát chung: Thông tin chung về tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm... * Điểm giống nhau của hai đoạn thơ là gì? - Nội dung: Đều là những nhận thức, tình cảm của tác giả về Đất nước: Gần gũi, thân thương, nghĩa tình, vừa lam lũ vừa thiêng liêng. - Nghệ thuật: +Những suy cảm về Đất nước của hai nhà thơ đều được thể hiện qua hình thức thơ tự do để thể hiệt cảm xúc dạt dào +Hai tác giả đều có xu hướng sử dụng chất liệu của đời sống văn hóa, văn học dân gian để thể hiện hình tượng đất nước *Điểm khác nhau: - Nếu đoạn trích “ Đất Nước” của Nguyễn Khoa Điềmnghienhng về lí giải cội nguồn của đất nước thì đoạn trích “ Đất nước” của Tạ Hữu yên chủ yếu là cảm nghĩ về đất nước trong những năm tháng gian khổ. - Trong khi hình tượng đất nước của Nguyễn Khoa Điềm được khắc họa qua hình ảnh các thế hệ những người trong gia đình thì Đất nước của Tạ Hữu Yên chủ yếu gắn liền với hình ảnh mẹ - Nghệ thuật: (Đưa ra những nét riêng về nghệ thuật như : cách diễn đạt, dùng từ, biện pháp nghệ thuật...) => Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm 	0,5 1,25
	<p>C. KB</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm: Đề tài Đất nước là nguồn cảm hứng dạt dào; khẳng định tính chất sáng tạo của mỗi nhà thơ. - Có thể nêu ấn tượng của bản thân. * <i>Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</i> 	1,0
	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	0,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn, bài văn.</p>	0,25
	<p><i>e) Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
Tổng điểm		10.0

ĐỀ 5

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đồng dao của đất

(1) Tôi ngủ thấy mùi quê hương trong
không gian

Ngai ngái rạ rơm

Nồng hương lúa mới

Dọc theo nỗi nhớ

Bài đồng dao gọi bước chân về...

(2)... Là lời kể của Bà đầu đầu hồn quê

Ngày xưa tháng ba ngày tám

Những đôi chân lấm bùn vào lam lũ

Những đôi vai gánh oằn mưa nắng;

Tôi bời rụng xuống

Dường như hoa gạo bớt đỏ

Chuồn chuồn thót bụng bay

...

(4) Tôi gặp quê trong mùa trảy hội

Bông bênh quan họ ngọt ngào lời ru

Những câu đồng dao ngấm vào hạt lúa

Thổi thành no ấm

Nồi cơm Thạch Sanh gọi bầy trẻ lớn lên

Những hoàng hôn cong cánh diều bay

Ngát ngưỡng lưng trâu sáo diều cao vút

Quên lũ khoai không nhóc ngủ trên đồng...

(5) Đổ bên trời kỷ niệm chảy dòng sông

Hội làng rộn ràng bến đò

Nỗi nhớ cất lời: Người ơi, người ở...

Phù sa thời gian nở ra...

(3) Bầy sáo tan tác

dáng chiều

tức tươi...

1997

(Vi Thùy Linh, *Khát*, NXB Phụ nữ, 2007)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình của bài thơ.

Câu 2. Xác định ít nhất 2 từ hoặc cụm từ chỉ ý niệm thời gian được nhắc tới trong bài thơ trên.

Câu 3. Phân tích tác dụng của phép điệp có trong những dòng thơ sau:

Những đôi chân lấm bùn vào lam lũ

Những đôi vai gánh oằn mưa nắng;

Câu 4. Bài thơ giúp anh/ chị hiểu gì về quê hương qua cảm nhận của nhân vật “tôi”?

Câu 5. Nhận xét về hình thức của khổ thơ:

*Bầy sáo tan tác
dáng chiều
tức tưởi...*

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm).

Viết bài văn nghị luận (600 chữ) so sánh, đánh giá một nét tương đồng, một nét khác biệt trong 2 đoạn trích từ 2 truyện ngắn sau đây.

(1) Bí ẩn của làn nước (Bảo Ninh)

...Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lồi đi trong đêm đen. Đến khi mái ra sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con trai... con trai mà... con trai... Để yên em ẵm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỗi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quấy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc với lên: Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy, người ơi...

Một bàn tay nhót và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thảng thốt, và "ùm", con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Con tôi...! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngầu bùn, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi... Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đầy ắp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên đại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ura ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ôn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chần chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

- Con tôi... - Tôi khóc, đỡ lấy bọc chần, - Con tôi!

Thời gian trôi qua và triển nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, điều bí mật ấy, không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

(Bảo Ninh, *Những truyện ngắn*, NXB Trẻ, 2021)

(2) Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn)

Gần một giờ đêm, trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên lên to quá, khúc đê làng... thuộc phủ... xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kẻ hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ hết sức giữ gìn, kẻ thuổng kẻ thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp nào cừ, bị bơm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật thảm.

Than ôi. Sức người khó lòng địch nổi sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất, ấy lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân yếu hèn mà chống với mưa to gió lớn, đe dọa thủ lấy tính mạng, gia tài, thế thời quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng: đang ở trong đình kia. Cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to thế nào cũng không việc gì.

Trong đình đèn thấp sáng trung, nha lệ, lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập mới kê ở gian giữa, có một mình quan phụ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quỳ dưới đất mà gãi. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông chốc chốc lại phe phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay chực hầu điều dóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút, tráp đồi mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng... trông mà thích mắt.

Ngoài kia tuy mưa gió ầm ầm, dân phu rối rít, nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch, nghiêm trang lắm: trừ quan phụ mẫu mọi người không dám to tiếng. So với cảnh trăm họ đang lấm láp, gọi gió tẩm mưa như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ, nguy nga: nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhà lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ tôn nghiêm, như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: "Điều mầy", tiếng tên lính hầu thưa: "Dạ"; tiếng thầy đề hỏi: "Bẩm bôc", tiếng quan lớn truyền: "ừ". Kẻ này "Bát sách! ăn". Người kia "thất văn".... "Phổng", lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái; khi cười, khi nói, vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh. [...]

(Nguyễn Cừ, *Phạm Duy - Phạm Duy Tôn* tác phẩm chọn lọc, NXB Văn học, 2002)

... HẾT....

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	- Nhân vật trữ tình: tôi * Lưu ý: + <i>Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm.</i> + <i>Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</i>	0.5
	2	- Những từ ngữ chỉ ý niệm thời gian được nhắc tới trong bài thơ: <i>Ngày xưa, tháng ba tháng tám, dáng chiều, mùa trẩy hội, hoàng hôn, thời gian</i> * Lưu ý: + <i>Trả lời từ 2 ý trở lên: 0.5 điểm</i>	0.5

	<p>+ Trả lời 1 ý: 0.25 điểm</p> <p>+ Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	
3	<p>- Phép điệp: <i>Những...</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tạo tính liên kết, nhịp điệu dàn trải cho câu thơ.</p> <p>+ Nhấn mạnh hình ảnh những con người lao động lam lũ, vất vả qua hình ảnh <i>đôi chân</i> lấm bùn, những đôi vai oằn xuống vì gánh nặng mưu sinh</p> <p>+ Qua đó bộc lộ tấm lòng đồng cảm và sự gắn bó giữa nhà thơ với con người mà mảnh đất quê hương.</p> <p>* Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p> <p>- Trả lời đầy đủ, có sức thuyết phục: 1,0 điểm (mỗi ý: 0.25 điểm)</p> <p>- Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	1,0
4	<p>- Quê hương qua cảm nhận của nhân vật “tôi”:</p> <p>+ Là không gian làng quê vừa gần gũi, bình dị, thân quen với mùi ngai ngái của rơm rạ, mùi thơm nồng của lúa mới, những cánh diều bay, tiếng sáo diều vi vu; vừa đượm buồn trong buổi hoàng hôn “dáng chiều tức tưởi</p> <p>+ Là không gian sinh sống của những con người lam lũ, vất vả chân lấm tay bùn, dãi nắng dầm mưa, những đứa trẻ chăn trâu,...</p> <p>+ Là không gian ngọt ngào của lời ru, những câu hát quan họ, những bài đồng dao.</p> <p>+ Là một không gian văn hoá của những hội làng, lễ hội.</p> <p>* Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p> <p>- Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm.</p> <p>- Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	1,0
5	<p>Nhận xét về hình thức của khổ thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Bầy sáo tan tác</i> <i>dáng chiều</i> <i>tức tưởi...</i></p> <p>- Hình thức (0.5 điểm)</p> <p>+ Khổ thơ chỉ có 1 câu, tách thành 3 dòng, mở đầu viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm lửng;</p> <p>+ lối viết vắt dòng <i>dáng chiều/ tức tưởi (...)</i></p> <p>- Nhận xét (0.5 điểm)</p> <p>+ Hình thức tự do, độc đáo.</p> <p>+ Góp phần thể hiện mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, đồng thời tạo nhạc tính cho bài thơ: vừa ngập ngừng, ngắt quãng vừa ngân vang.</p> <p>* Lưu ý:</p>	1,0

		<p>+ Nhận xét hợp lí, thuyết phục, sâu sắc về vấn đề: 0.5điểm/ ý</p> <p>+ Nhận xét chung chung, sơ sài: 0.25 điểm.</p> <p>+ Không nhận xét: không cho điểm.</p>	
II	VIẾT		6,0
	<p>Viết bài luận so sánh, đánh giá nét tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm: <i>Bí ẩn của làn nước</i> - Bảo Ninh và <i>Sống chết mặc bay</i> – Phạm Duy Tốn.</p>		
	<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài.</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học</p>	0.25	
	<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: So sánh, đánh giá nét tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm: <i>Bí ẩn của làn nước</i> - Bảo Ninh và <i>Sống chết mặc bay</i> – Phạm Duy Tốn.</p>	0.5	
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết</p> <p>- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:</p> <p>* Mở bài</p> <p>- Giới thiệu 2 tác phẩm và tác giả cần so sánh; vấn đề (điểm chung giữa 2 tác phẩm đề yêu cầu so sánh).</p> <p>- Nêu bình diện cần so sánh và vị trí của chúng đối với tác phẩm dự luận.</p> <p>Thân bài</p> <p>* Điểm chung ở 2 tác phẩm (dùng hình ảnh/chi tiết giàu ý nghĩa):</p> <p>- Thể loại: truyện ngắn.</p> <p>- Bối cảnh, tình huống gay cấp, nguy hiểm bởi thiên tai, lũ lụt.</p> <p>→ 2 tác giả chọn thể loại truyện ngắn và bối cảnh lũ lụt để phản ánh cuộc sống và bản chất con người.</p> <p>- Phong cách hiện thực; tư tưởng nhân đạo (xót thương thảm cảnh con người trước thiên tai...).</p> <p>* Điểm khác biệt:</p> <p>- <i>Sống chết mặc bay</i> - Phạm Duy Tốn: tố cáo sự vô nhân đạo, bất nhân của bọn quan lại, mang đậm giá trị hiện thực, nhân đạo cao cả về tình người.</p> <p>- <i>Bí ẩn của làn nước</i> - Bảo Ninh: Trong những tình huống nguy nan, ranh giới sống chết chỉ như sợi tóc, con người vẫn có thể sống yêu thương, đùm bọc, sẻ chia, thậm chí hy sinh cả sinh mạng cho người khác, cao thượng, nhân hậu.</p> <p>* Lý giải sự khác biệt: căn cứ vào hoàn cảnh ra đời của 2 tác phẩm, góc nhìn và sự sáng tạo của mỗi nhà văn.</p> <p>Kết bài</p> <p>- Nhận thức, đánh giá của cá nhân về ý nghĩa của từng tác phẩm (bình diện đã so sánh ở trên).</p>	4.5	

		- Đánh giá sự đóng góp, thành công của từng nhà văn (rút ra từ phần phân tích trên) đối với nền văn học.	
		<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. - Sử dụng thành thạo thao tác so sánh, tổng hợp, chứng minh. - Dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ, luận điểm. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng vẫn phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,5
		<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0.25
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0. 5
		TỔNG	10,0

ĐỀ 6

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích truyện sau:

(*Lược một đoạn: Cô bé Dung đang sống cùng bố mẹ nhưng cậu mẹ của cô bé đi định cư ở nước ngoài, ông ngoại lại không muốn đi cùng cậu mẹ, nên mẹ Dung bảo cô sang ở cùng ông ngoại. Lúc đầu Dung rất không muốn, nhưng mẹ động viên: “Con vì ông một chút, ông cũng vì con thôi”, vì thế cô bé vẫn sang ở với ông.*)

(1) ... Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhứt báo, là cái radio đầu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đĩa em cài nhau ôm tòi. Hai thế giới vừa giành giật vừa hoà tan nhau. Mặc dầu Dung đang ở trong thế giới của ông, mà không biết mình đang chìm dần vào đó.

(2) Lọt thỏm giữa cái sân xanh lá, Dung vẫn buồn. Rảnh rồi, nó leo lên cây me già ở góc sân, nhăm nháp vị me non. Ông ngoại tặng Dung cái chậu sứ trắng. Nó trồng vào đấy một cây mai. Lâu ngày quên bẵng, nhìn lại thấy cây mai đã lớn từ hồi nào, mượt mà những lá. Dung cảm thấy vui vui. Hôm bữa Dung nói với ông:

- Sao ông Chín bên nhà rù ngoại đi tham gia câu lạc bộ gì đó, ngoại không đi?

Ông nhìn Dung thật lâu "Ngoại sợ con ở nhà một mình buồn".

Dung chột dạ, "Có bao giờ đi chơi mà mình nghĩ tới ông không?"

Mưa thì ông ghé vào phòng:

- Con khỏi phải nấu cơm, lo mà ôn thi, ngoại ra quán ăn cũng được.

Dung mừng rỡ, gật đầu, lòng thăm toan tính. "Chuyện này chẳng nói cho mẹ hay kéo mẹ mắng".

Bằng mấy hôm, bọn bạn chèo kéo "Ôn bài mệt thấy mồ, xả hơi một bữa". Nhảy nhót ca múa một hồi, cuộc chơi nhạt dần. Dung cong cổ húp bún, ngán quá, liền vội về nhà "Nấu cơm có bao lâu, tại mình lười thôi".

(3) Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi. Dung nghiện hương trầm tối tối ông thấp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên. Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già". Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lục lờng trong khói bụi, đầu đó, trên tầng me già, dăm chú chim hót líu lo. Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cạo cạo lên phường lãnh lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc giữa đêm khuya tịch mịch, tiếng ho như lời kêu cứu. Chủ nhật Dung cầm củi lau chùi dàn karaoke phủ bụi. Ông đứng lên nheo mắt:

- Sao con không hát, con hát rất hay mà.

Dung thoáng ngỡ ngàng, nó hỏi:

- Ngoại có thích nghe không?

Rồi mở máy. Hôm ấy Dung rất vui, lần đầu tiên nó hát cho riêng ông nghe và quan trọng nhất là ông đã ngồi lại đấy, gật gù.

(4) Ngày 18 tháng 12, Dung mở tờ lịch mới, hôm nay là sinh nhật của nó. Hôm qua, mẹ cho Dung một món tiền kha khá, bọn bạn reo lên inh ỏi "Party nghe Dung, làm xôm tụ, tụi này kéo lại". Dung nói với ông, ông gật đầu:

- Ừ thì sinh nhật mà, con có mua bánh kem chưa? Ông biết làm đấy.

Dung tròn mắt:

- Thật ư?

Ông khẽ cốc đầu nó.

- Đừng có khinh ngoại.

Nói rồi hai ông cháu lăn vào khuấy trứng, nhồi bột. Tay ông nhẹ nhàng, nắn nót mười tám nụ hồng trên mặt bánh. Dung thơm thêm mãi. Buổi sinh nhật thật rôm rả, bọn Dung khiêu vũ với nhau, ông ngoại cũng nhảy, ông mặc chiếc áo màu xanh thắt nơ hoa rất đẹp. Lúc ông nắm tay nó, nhạc dạo bài Tango "Xa vắng".

Dung ngạc nhiên và buồn cười đến nỗi giẫm lên cả chân ông. Bọn bạn reo ầm lên, chúng khen bánh kem ngon, khen ông nhảy giỏi, Dung hãnh diện lắm, nói băng quơ:

- Ông học ở đâu vậy?

Ông cười:

- Ở câu lạc bộ.

Dung nghĩ bụng, mình phải đến đó một phen. Tàn tiệc Dung tắt tả đi mua thuốc, ở trong phòng ông đang ho càn cạch. Nó thấy thương ông quá. Lúc đem thuốc vào phòng, ông kể:

- Hồi ngoại ở Trường Sơn, ngoại có cậu lính hát rất hay, hôm sinh nhật cậu ấy, bọn ngoại đi săn nai về liền hoan, khi về đến, cậu ấy chết trên tay ngoại bởi con sốt rét rừng, lúc ấy cậu ta vừa tròn mười chín.

Dung hoảng hốt:

- Thật ư?

(...)

(Trích truyện ngắn **Ông ngoại**, Nguyễn Ngọc Tư, Nguồn: <https://isach.info>)

Chú thích:

Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào

các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

*Ấm thâm đến với văn chương và bừng sáng khi được nhận giải Nhất cuộc thi Văn học tuổi 20 của NXB Trẻ, Nguyễn Ngọc Tư đã trở thành tâm điểm của sự hy vọng vào một nền văn trẻ đương đại. Chị đã tiếp tục có những cú nhảy ngoạn mục trên chặng đường văn cùng những tác phẩm được giới chuyên môn đánh giá cao. Tập truyện ngắn **Cánh đồng bất tận** của chị gây được tiếng vang lớn, nhận được nhiều giải thưởng cũng như chuyển thể thành kịch, phim điện ảnh.*

Các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư được tái bản nhiều lần và được dịch ra tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Thụy Điển, tiếng Đức.

Thực hiện trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện ở đoạn trích trên.

Câu 2. Tìm và ghi lại những câu văn trong đoạn (1) diễn tả mối quan hệ giữa thế giới của ông ngoại và thế giới của Dung.

Câu 3. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép điệp trong câu văn sau: *Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cọc cạch lên phường lãnh lương hưu.*

Câu 4. Những việc ông ngoại đã làm như *tặng Dung châu sứ trắng, ngồi nghe Dung hát, làm bánh sinh nhật cho Dung, nhảy cùng cháu trong tiệc sinh nhật* thể hiện điều gì?

Câu 5. Thông điệp ý nghĩa nhất với anh (chị) trong đoạn trích truyện trên là gì? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích sau:

HAI LẦN CHẾT

- Thạch Lam -

(Lược dẫn: Dung là con thứ bốn trong gia đình bị sa sút kinh tế. Nàng lớn lên trong sự hờ hững, lạnh nhạt của gia đình. Rồi bị mẹ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc.)

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhổ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi. Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại day nghiến:

– Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

– Bây giờ là người nhà tạo rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tạo có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về kể nỗi khổ sở của nàng, nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

(Lược dẫn: Dung ăn trộm tiền của mẹ chồng để trốn về nhà nhưng bị mẹ đẻ day nghiến. Sáng hôm sau, mẹ chồng xuống tìm nàng.)

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hi vọng gì ở nhà cha mẹ mình. Nghĩ đến những lời day nghiến, những nỗi hành hạ nàng phải sẽ chịu. Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung là mà thấy cái thành cầu, thấy dòng nước chảy. Tri nàng sắc lại khi nước lạnh đập vào mặt, nàng bắt ức lịm đi, thấy màu đỏ trào lên, nổi một cái màng đen tối kéo đến cho lấp cá

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên màng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ cựa mình muốn trả lời.

[...] Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ màng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào, trời có mắt chứ đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

- Con xin về.

(Trích *Tuyển tập* Thạch Lam, NXB Văn học, 2008, tr. 75 - 84)

DÌ HẢO

- Nam Cao -

(*Lược dẫn*: Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận. Dù công việc buôn bán thuận lợi nhưng vì phải nuôi hai đứa con nhe nhóc cùng với đồng nợ chồng chất nên bà đẻ dì Hảo đi ở. Mới đầu về nhà mẹ nuôi, dì Hảo khóc ghê lắm nhưng rồi dì cũng quen dần và trở thành một người con gái rất ngoan đạo. Đến khi lấy chồng, dì dành cho chồng tất cả tình yêu thương nhưng chồng dì lại là một kẻ cờ bạc, rượu chè, vũ phu, không yêu dì.)

Hắn khinh dì là đứa con nuôi, còn hắn là con dòng cháu giống. Và tuy rằng nghèo xác, hắn nhất định không làm gì. Hắn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy; dì làm mà nuôi hắn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hắn dùng mà uống rượu. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con.

Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhịn được nữa. Hắn chửi bằng qua. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nức lên, khóc như người ta thổ. Dì thủ ra nước mắt. Nhưng dù với phi nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì đi còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hán, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hán phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Di Hán quê liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm nợ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

(Trích “Dì Hảo”, *Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt*, Nam Cao, NXB Văn học, 2017)

Chú thích:

* Thạch Lam (1910 - 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là người đồn hậu và tinh tế, rất thành công ở thể loại truyện ngắn. Thạch Lam chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình. Các tác phẩm chính: *Gió lạnh đầu mùa* (truyện ngắn, 1937), *Nắng trong vườn* (truyện ngắn, 1938), *Ngày mới* (tiểu thuyết, 1939).

* Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945, là người có vẻ ngoài lạnh lùng nhưng đời sống nội tâm phong phú, có tấm lòng đồn hậu, chan chứa yêu thương. Nam Cao luôn đi sâu khai thác đời sống nội tâm, tinh thần nhân vật, sử dụng

phương pháp độc thoại nội tâm đầy khéo léo và tinh tế. Các tác phẩm chính: *Chí Phèo* (truyện ngắn, 1941). *Lão Hạc* (truyện ngắn, 1943), *Sống mòn* (tiểu thuyết, 1944),...

=====Hết=====

HƯỚNG DẪN CHẤM/ĐÁP ÁN/BIỂU ĐIỂM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể của người kể chuyện: ngôi thứ ba. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án: 0.5 điểm - Không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm	0,5
	2	Những câu văn trong đoạn (1) diễn tả mối quan hệ giữa thế giới của ông ngoại và thế giới của Dung: + Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. + Hai thế giới vừa giành giật vừa hoà tan nhau. + Mặc dầu Dung đang ở trong thế giới của ông, mà không biết mình đang chìm dần vào đó. Hướng dẫn chấm: - Học sinh ghi lại được 3 câu văn: 0.5 điểm - Học sinh ghi lại 1-2 câu: 0.25 điểm - Không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm	0,5
	3	Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép điệp trong câu văn sau: <i>Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phờng lãnh lương hưu.</i> - Điệp từ: <i>quen</i> . (0.25) - Hiệu quả nghệ thuật: + Điệp từ nhấn mạnh cảm giác của Dung, hình ảnh của ông với những dáng nét, hành động đã trở nên quen thuộc. Điều đó cũng chứng tỏ Dung gắn bó và quan tâm, yêu quý ông nhiều hơn. Thế giới của Dung và thế giới của ông dần dần đã trở nên gần gũi hơn. (0.5) - Điệp từ làm cho nhịp điệu câu văn trở nên chậm rãi, sâu lắng, đầy cảm xúc. (0.25) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1.0 điểm	1.0

		<p>- Học sinh trả lời chung chung, chưa sát ý: 0.25 điểm</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm</p>	
	4	<p>Những việc ông ngoại đã làm như <i>tặng Dung châu sứ trắng, ngồi nghe Dung hát, làm bánh sinh nhật cho Dung, nhảy cùng cháu trong tiệc sinh nhật</i> thể hiện nhiều điều:</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ông ngoại rất yêu quý cháu gái, ông làm nhiều điều để mang lại niềm vui cho cháu. + Ông cố gắng để hoà nhập vào thế giới của Dung, để ông cháu gần gũi, hiểu nhau nhiều hơn. + Ông cũng rất khéo léo trong việc làm bánh, ông rất trẻ trung, hiện đại. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được 02 ý như đáp án/diễn đạt tương đương hoặc nêu ý khác nhưng phù hợp: 1.0 điểm - Học sinh trả lời được một ý: 0.5 điểm - Học sinh trả lời chung chung, chưa sát ý: 0.25 điểm - Không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm 	1.0
	5	<p>Thông điệp ý nghĩa nhất với anh (chị) trong câu chuyện trên là gì? Vì sao?</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được 01 thông điệp phù hợp với nội dung văn bản: 0.25 điểm - Học sinh giải thích rõ ràng, thuyết phục vì sao thông điệp đó lại có ý nghĩa nhất: 0.75 điểm - Học sinh giải thích tương đối rõ ràng vì sao thông điệp đó lại có ý nghĩa nhất: 0.5 điểm - Học sinh trả lời chung chung, chưa sát ý: 0.25 điểm - Không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm 	1.0
II		VIẾT	ĐIỂM
		Anh/ Chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trong “Hai lần chết” của Thạch Lam và “Dì Hảo” của Nam Cao.	6,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Giá trị nội dung, nghệ thuật của hai đoạn trích trong “Hai lần chết” của Thạch Lam và “Dì Hảo” của Nam Cao</p>	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một gợi ý: <p>* Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt và giới thiệu tên các tác phẩm, tác giả. 	2,5

	<p>- Nêu vấn đề nghị luận: Giá trị nội dung, nghệ thuật của hai đoạn trích trong “Hai lần chết” của Thạch Lam và “Dì Hảo” của Nam Cao.</p> <p>* Thân bài</p> <p>- Khái quát chung</p> <p>+ Giới thiệu hai tác giả và hai tác phẩm: vị trí, thể loại, đề tài....</p> <p>+ Khái quát điểm giống nhau (đề tài, tư tưởng chủ đề, hình tượng nhân vật cùng những nét độc đáo về nghệ thuật như ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ) và điểm khác nhau (nét độc đáo riêng biệt bởi lẽ người nghệ sĩ không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình).</p> <p>* So sánh, đánh giá hai tác phẩm:</p> <p>- <i>Luận điểm 1.</i> Điểm giống nhau của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.</p> <p>+ <i>Điểm giống nhau về nội dung:</i></p> <p>++ Cả hai đoạn trích đều viết về đề tài người nông dân nghèo: người phụ nữ dưới chế độ phong kiến nửa thực dân với số phận, cuộc đời đầy đau khổ bất hạnh (Từ nhỏ họ đã phải chịu cảnh thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu thôn tình cảm của mẹ cha. Đến khi lớn lên, lấy chồng, họ đều gặp những người chồng không ra gì, đều phải lao động quần quật, chịu sự đánh đập, hành hạ) => Thạch Lam và Nam Cao muốn tố cáo sự bất công ngang trái của xã hội và thể hiện sự cảm thông, xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng ngợi ca, bênh vực những người phụ nữ trong xã hội đó.</p> <p>+ <i>Điểm giống về nghệ thuật:</i> đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, bút pháp tả thực với cách miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, khiến nỗi đau của người phụ nữ càng được khắc sâu, tô đậm.</p> <p>- <i>Luận điểm 2.</i> Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.</p> <p>+ <i>Điểm khác nhau về nội dung:</i> Đoạn trích “Hai lần chết” khắc họa số phận khổ đau, bất hạnh của nhân vật Dung trước sự ghẻ lạnh của mẹ đẻ và sự cay nghiệt của mẹ chồng. Nàng bị chính mẹ đẻ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc và bị mẹ chồng đối xử không khác gì kẻ ăn người ở trong nhà. Đoạn trích “Dì Hảo” khắc họa số phận của một người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phải chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không những không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đập. Đó còn là người phụ nữ phải chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò.</p> <p>+ <i>Điểm khác nhau về nghệ thuật:</i> Đoạn trích “Hai lần chết” (Thạch Lam) có sự kết hợp giữa điểm nhìn của người kể chuyện với điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong cùng với ngôn ngữ,</p>	
--	--	--

	<p>giọng điệu của người kể chuyện, của nhân vật. Nhân vật Dung được khắc họa qua những đoạn đối thoại với nhân vật người mẹ chồng. Vì thế, đoạn văn có sự đan cài của ngôn ngữ và giọng điệu của nhân vật người mẹ. Còn trong đoạn trích “Dì Hảo” (Nam Cao) là sự kết hợp giữa điểm nhìn người kể chuyện và điểm nhìn bên trong, cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp. Những câu văn còn là chính những dòng suy nghĩ, độc thoại nội tâm của nhân vật để từ đó giúp người đọc cảm nhận rõ hơn tâm trạng đau đớn, tủi cực của nhân vật dì Hảo. Bên cạnh đó, nếu nhân vật Dung được tô đậm bởi tình huống nàng trẫm mình xuống sông để tự tử: “<i>Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ,</i>”, thì nhân vật dì Hảo được tô đậm bởi chi tiết dì Hảo khóc: “<i>Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nước mắt, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt.</i>”.</p> <p>- Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa + “Hai lần chết” và “Dì Hảo” đều là hai tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn 1930 - 1945, vì thế, cả hai tác phẩm đều có chung bối cảnh đời sống xã hội. + Nam Cao và Thạch Lam đều là những nhà văn có tấm lòng nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh”. + Cả hai đều là những nhà văn lớn với phong cách nghệ thuật độc đáo -> dấu ấn riêng → Cái tài, cái tâm của hai tác giả.</p> <p>* Đánh giá: - Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của 2 đoạn trích nói riêng, tác phẩm nói chung. - Phong cách nghệ thuật độc đáo tạo nên sức sống lâu bền của tác phẩm cũng như đoạn trích.</p> <p>Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.</p>	
	<p>d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

=====HẾT=====

ĐỀ 7	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: NGỮ VĂN 12
-------------	--

Đọc văn bản sau :

“Tôi vẫn thấy rằng ước mơ giống như những ngọn hải đăng, những mũi tên chỉ đường để bạn chắc chắn về phương hướng, để bạn tiến tới tương lai. Hành trình theo đuổi ước mơ là một hành trình rộng và dài nó giúp bạn đón nhận những âm vang từ cuộc sống, giúp bạn trải nghiệm và khám phá chính bản thân mình. Rong ruổi theo những hoài bão là lúc ta có thêm động lực, niềm tin vào cuộc sống vốn xô bồ và tấp nập. Nó không chỉ là hi vọng của mỗi người mà còn là minh chứng cho một điều rằng: Bạn đang sống. Khi kiếm tìm và chinh phục những giá trị cao cả, đó là lúc bạn nhận ra cuộc đời thật sự có ý nghĩa, ý nghĩa trong từng phút, từng giây. Đường như, nó đang thôi thúc bước chân bạn để bạn nhận thức được rằng mình đang sống, sống hạnh phúc và vui vẻ với những mục tiêu. Theo đuổi những khát khao đôi khi khiến bạn mệt mỏi, chán chường, đôi lúc sẽ thất bại. Sau mỗi lần vấp ngã chính là những bài học kinh nghiệm sâu sắc, là nền tảng để bước tiếp. Và “dù không thể hái được vì sao sáng nhất nhưng ít ra bạn cũng đứng giữa muôn vàn tinh tú để thấp sáng ước mơ”. Bởi bạn đang ước mơ chính là bạn đang hiện hữu, hiện hữu với vô vàn cái đẹp trong cuộc sống.

Giữa dòng đời phiêu bạt, có biết bao nhiêu mảnh đời vẫn âm thầm thấp sáng ước mơ, những ước mơ không biên giới, những vì sao tinh tú,...chúng nuôi dưỡng và di dưỡng tâm hồn. Hãy đưa ước vọng của bạn về với quỹ đạo “điều không thể hôm nay sẽ hóa thành hiện thực của ngày mai”. Hôm nay là không thể nhưng ngày mai thành có thể. Hôm nay là lí tưởng nhưng ngày mai là hiện thực. Một tỉ phú Bill Gates với khao khát làm giàu chính đáng của người trẻ tuổi, với tri thức trong ngành công nghệ phần mềm, tập đoàn Microsoft của ông đã trở thành công ty phần mềm có giá trị cao nhất trên thị trường toàn cầu. Hạnh phúc thay cho những ai dám ước mơ và sẵn sàng trả giá để biến ước mơ thành hiện thực. Hay chính Reinhold Messner – nhà leo núi huyền thoại, được gọi là “Người thép của thế giới”, ông là người đầu tiên trên thế giới leo hết mười bốn ngọn núi trong dãy Himalaya cao hơn 8000 mét, trong đó, đỉnh cao nhất Everest ông đã leo một mình không cần bình dưỡng khí. Kỷ lục được thiết lập không phải để giới hạn mà là để phá vỡ. Mọi thứ dường như khó tin nhưng chính những con người như Reinhold Messner đã cho chúng ta hiểu rằng: ước mơ, tâm tưởng dù có xa vời, vĩ đại đến bao nhiêu, chỉ cần bạn đủ ý chí, bản lĩnh để hành động, tiến lên thì chúng ta có thể đi đến bất cứ đâu...”

(Trích: “Ước mơ – đoá hoa trà trong sương tuyết” – Facebook: Hàn Sự Văn Chương)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Trong văn bản, hành trình theo đuổi ước mơ sẽ giúp chúng ta như thế nào?

Câu 3. Việc tác giả đưa các dẫn chứng Bill Gates và Reinhold Messner vào trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Anh (chị) hiểu như thế nào về câu nói: “dù không thể hái được vì sao sáng nhất nhưng ít ra bạn cũng đứng giữa muôn vàn tinh tú để thấp sáng ước mơ.”?

Câu 5. Qua văn bản trên, thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh (chị). Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Cho hai đoạn thơ sau_

“Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.”

(Mẹ và quả - Nguyễn Khoa Điềm)

“Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.”*

(Trong lời mẹ hát – Trương Nam Hương)

So sánh hình ảnh người mẹ qua hai đoạn thơ trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	- PTBD chính: nghị luận Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng đáp án: 0,5 HS trả lời sai đáp án: 0,0	0.5
	2	- Hành trình theo đuổi ước mơ giúp: + bạn đón nhận những âm vang từ cuộc sống, giúp bạn trải nghiệm và khám phá chính bản thân mình. + có thêm động lực, niềm tin, hi vọng vào cuộc sống vốn xô bồ và tấp nập. Minh chứng cho một điều rằng: Bạn đang sống. Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng đáp án: 0,5 HS trả lời 01 đáp án : 0,25 HS trả lời sai đáp án: 0,0	0.5
	3	Tác dụng: + tăng sức thuyết phục, tạo độ tin cậy, thu hút hấp dẫn người đọc, người nghe, tạo sự liên kết, mạch lạc, chặt chẽ cho văn bản. + nhấn mạnh về kết quả của những người dám ước mơ và thực hiện ước mơ của mình. + đưa ra lời khuyên, nhắn nhủ mọi người hãy biết sống có ước mơ và dũng cảm, dám thực hiện ước mơ của mình. Hướng dẫn chấm: HS trả lời đầy đủ như đáp án: 1.0 HS trả lời đúng 2 đáp án: 0,75 HS trả lời đúng 1 đáp án: 0,25	1.0.
	4	- Câu: dù không thể hái được vì sao sáng nhất nhưng ít ra bạn cũng đứng giữa muôn vàn tinh tú để thấp sáng ước mơ có thể hiểu: + trong cuộc sống hay mọi việc chúng ta có thể chúng ta sẽ vấp ngã, thất bại và chưa thể đạt được kết quả tốt nhất, hài lòng nhất. + nhưng khi biết ước mơ và dám thực hiện ước mơ chúng ta sẽ có những điều kiện tốt nhất để trải nghiệm, để trưởng thành, để phát triển và biến ước mơ của mình thành hiện thực. Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng đáp án: 1,0 HS trả lời đúng 1 đáp án: 0,5	1,0

	5	<p>- HS lựa chọn được thông điệp có ý nghĩa nhất đối với mình. - HS đưa ra lí giải phù hợp và thuyết phục.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i> <i>HS nêu thông điệp : 0,5</i> <i>HS lí giải hợp lí : 0,5</i></p>	1,0
II		VIẾT	6.0
		<p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0.5
		<p>b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề</i> So sánh hình ảnh người mẹ qua hai đoạn thơ.</p>	0.5
		<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai nhiều cách, nhưng biết vận dụng được các thao tác lập luận, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để đảm bảo các ý sau:</p> <p>- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần nghị luận. - Hình ảnh người mẹ ở đoạn thơ thứ nhất + Nội dung: . Đoạn thơ thể hiện suy tư về mẹ đặc biệt là mqh giữa mẹ và con (mẹ và quả), mẹ là người gieo trồng trên mảnh vườn cây- vườn người, quả và con là thứ thành quả chất chứa bao công sức của mẹ. . Hình ảnh người mẹ như người gieo trồng, hái lượm tảo tần, chịu thương, chịu khó qua năm tháng. . Mẹ không chỉ là người trồng vườn mà còn là người chăm sóc “cây người”. . Hình tượng hoá giọt mồ hôi nhọc nhằn, giọt mồ hôi xanh kết tụ từ những vất vả, hi sinh của mẹ.</p> <p>- Nghệ thuật: + Giọng thơ nhẹ nhàng, trong trẻo, tha thiết và sâu lắng. + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, kết hợp một số biện pháp tu từ: điệp ngữ, đối, so sánh. + Hình ảnh thơ gần gũi, mộc mạc + bút pháp tả thực, tinh tế. + Thể thơ tự do ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt.</p> <p>- Hình ảnh người mẹ ở đoạn thơ thứ hai + Nội dung: . Hình ảnh người mẹ già đi theo thời gian, sự vất vả in hằn lên hình dáng của mẹ để nuôi các con khôn lớn trưởng thành. . Hình ảnh mẹ : mái tóc, lưng còng-> sự vất vả, dấu vết của thời gian</p> <p>- Nghệ thuật: + Giọng thơ nhẹ nhàng, trong trẻo, tha thiết và sâu lắng. + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, từ láy, kết hợp một số biện pháp tu từ: đối, nhân hóa. + Hình ảnh thơ gần gũi, mộc mạc + bút pháp tả thực, tinh tế.</p>	4.0

	<p>+ Thể thơ 6 chữ ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt.</p> <p>- So sánh</p> <p>+ Giống:</p> <p>. Cả hai đoạn thơ đều ca ngợi vai trò của người mẹ</p> <p>. Đề bày tỏ tình yêu thương, sự trân trọng, biết ơn đến mẹ</p> <p>. Đề xây dựng nghệ thuật tương phản đối lập giữa hình ảnh lớn lên của đứa con và sự già đi của mẹ.</p> <p>+ Khác:</p> <p>. Đoạn 1: Hình ảnh người mẹ đồng hiện, chuyển nghĩa liên tưởng thú vị qua việc chăm sóc vườn cây- vườn người. Đặc tả mẹ qua giọt mồ hôi- > vất vả, hi sinh</p> <p>. Đoạn 2: Hình ảnh người mẹ đặc tả qua ngoại hình -> sự vất vả, hi sinh, dấu vết của thời gian</p> <p>. Thể thơ</p> <p>- Lí giải: Có những nét khác biệt ấy là do hoàn cảnh sáng tác và phong cách nghệ thuật khác nhau của hai tác giả.</p> <p>* Đánh giá:</p> <p>- Hai đoạn thơ góp phần tô đậm vẻ đẹp của người mẹ trong cuộc sống đời thường, qua đó cũng thể hiện tài năng, PCNT của hai nhà thơ.</p> <p>- Khẳng định vị trí của tác giả trong nền văn học cũng như trong lòng độc giả.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0

----- Hết -----

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:**

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
 Xao xác, gà trưa gáy náo nùng,
 Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng.

Chập chờn sống lại những ngày không.

*Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời
Lúc người còn sống tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.*

*Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ
Hãy còn mường tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.*

(Nắng mới- Trích tuyển tập thơ Lưu Trọng Lư- NXBGD Hà Nội)

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên

Câu 2: Chỉ ra những hình ảnh thơ gắn liền với những kỉ niệm về người mẹ của tác giả.

Câu 3: Phân tích tác dụng của các từ láy được tác giả sử dụng trong khổ thơ thứ nhất của bài thơ.

Câu 4: Nhận xét tình cảm của tác giả dành cho người mẹ của mình.

Câu 5: Suy nghĩ của anh/ chị về tình mẫu tử (khoảng 5-7 dòng).

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ trong 2 đoạn thơ sau?

... “Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời	“ Ngày xưa chào mẹ, ta đi
Lúc người còn sống tôi lên mười;	Mẹ ta thì khóc, ta đi thì cười
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,	Mười năm rồi lại thêm mười
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.	Ta về ta khóc, mẹ cười... lạ không ?
	“Ông ai thế? Tôi chào ông!”
Hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ	Mẹ ta trí nhớ về... mênh mông rồi
Hãy còn mường tượng lúc vào ra:	“Ông có gặp thằng con tôi?
Nét cười đen nhánh sau tay áo	Hao hao... tôi nhớ... nó người... như ông”
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa”	Mẹ ta trả nhớ về không
(Nắng mới- Trích tuyển tập thơ Lưu Trọng Lư- NXBGD Hà Nội)	Trả trăm năm lại bụi hồng... rồi đi”.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 12
Môn: Ngữ văn

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Thơ bảy chữ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh trả lời đúng: 0,5 điểm</p> <p>Học sinh trả lời không đúng: 0 điểm</p>	0,5
	2	<p>Những hình ảnh thơ gắn liền với kỉ niệm về người mẹ trong kí ức của tác giả: Nắng mới, gà trưa gáy, áo đỏ, nét cười đen nhánh, giậu phơi, giậu thưa.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh chỉ đúng các hình ảnh như đáp án: từ 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh chỉ được từ hai đến 5 hình ảnh: 0,25-0,75 điểm</p> <p>- Học sinh không chỉ ra được hình ảnh nào như đáp án: 0 điểm</p>	0,5
	3	<p>- Sử dụng từ láy: Xao xác, náo nùng, chập chờn.</p> <p>=>Tác dụng: Giúp khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ của nhà thơ, qua đó gợi lên kí ức về mẹ đầy gần gũi, thân thuộc; làm cho hình ảnh thơ thêm sinh động, gợi cảm xúc nơi người đọc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- HS chỉ nêu biện pháp tu từ hoặc chỉ nêu được tác dụng của biện pháp tu từ: 0,5 điểm</p>	1,0

		- HS trả lời sai không cho điểm	
	4	<p>Thông qua những hình ảnh thơ quen thuộc và bình dị. Tác giả đã tái hiện hình ảnh người mẹ mang những nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, đồng thời qua đó thể hiện lòng yêu thương, biết ơn chân thành của mình đối với mẹ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án hoặc tương đương đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời có ý đúng nhưng chưa được sâu sắc: 0,25- 0,75 điểm</p> <p>- HS trả lời sai không cho điểm</p>	1,0
	5	<p>HS trình bày suy nghĩ về tình mẫu tử theo cách riêng của mình, mọi quan điểm đúng đắn, nhân văn đều được chấp nhận. Dưới đây là một số gợi ý:</p> <p>- Tình mẫu tử là thứ tình cảm ấm áp nhất sưởi ấm, nâng đỡ chúng ta giữa cuộc đời có nhiều biến động.</p> <p>- Là thứ tình cảm thiêng liêng, cao cả. Tình mẫu tử làm cho đời sống tình cảm của con người trở nên phong phú, ý nghĩa.</p> <p>- Tình mẫu tử giúp con người vượt lên những giới hạn thông thường để làm được những điều cao cả, phi thường.</p> <p>- Cần biết yêu thương, trân trọng và có ý thức báo đáp những tình cảm lớn lao của mẹ...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh cảm nhận đúng đắn, sâu sắc về hình ảnh người mẹ trong bài thơ: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh cảm nhận còn sơ sài, chung chung: 0,25-0,75 điểm</p> <p>- Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai không cho điểm</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
		<p>a. Bảo đảm cấu trúc bài văn nghị luận</p> <p>Mở bài giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận; thân bài thực hiện các yêu cầu của đề bài; kết bài khẳng định vấn đề nghị luận.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong 2 đoạn thơ của 2 tác giả: Lưu Trọng Lư và Đỗ Trung Quân.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết.</p> <p>- Sắp xếp các ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:</p>	3,5

	<p>* Giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>* Triển khai vấn đề nghị luận: Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:</p> <p>- Trình bày những nét khái quát về từng tác phẩm.</p> <p>+ Bài thơ “Nắng mới” được in trong tập thơ Tiếng thu (1939). Hình ảnh người mẹ quá cố của nhà thơ từ đầu đến cuối tác phẩm chỉ được phác họa qua một vài chi tiết trong những giây phút xuất thần của họa sĩ - thi sĩ Lưu Trọng Lư, nó đã để lại một ấn tượng đẹp và sâu sắc.</p> <p>+ Bài thơ “Mẹ ta trả nhớ về không”: Nhà thơ Đỗ Trung Quân sinh năm 1955 tại Sài Gòn , gốc Bắc. ông sống với mẹ đến năm 15 tuổi thì mẹ mất. Phải chăng chính vì sự mất mát đó nên khi viết về người mẹ, cảm xúc của bài thơ rung rung đến khó tả. Bài thơ Mẹ ta trả nhớ về không cũng có một hoàn cảnh ra đời rất đặc biệt. Nhà thơ đã từng kể lại rằng “ Bạn tôi đi làm ăn xa gần như cả cuộc đời , nên khi về thăm mẹ năm bà 92 tuổi, người mẹ đã mắc chứng Alzheimer và không còn nhớ con mình là ai. Bà hỏi “Ông ơi, ông là ai? Bạn tôi ôm mẹ khóc như mưa...” Từ cảm xúc ấy, Đỗ Trung Quân đã viết bài thơ này.</p> <p>* Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt trong cách cảm nhận về hình ảnh người Mẹ của tác giả hai bài thơ:</p> <p>- Có thể thấy trong cả hai tác phẩm, hình ảnh người mẹ đều là những hình ảnh đẹp, giản dị được tạo nên từ những tình cảm chân thành nhất. Ấn tượng của người đọc chính là người mẹ tảo tần, thâm lặng hi sinh, thương yêu chăm sóc chồng con suốt cả cuộc đời.</p> <p>- Khác biệt:</p> <p>+ Bài thơ “Nắng mới”: Tình cảm của tác giả khi “mượn” những ký ức để được gặp lại người Mẹ quá cố, qua đó hiện lên hình ảnh người mẹ tảo tần, giàu đức hi sinh.</p> <p>+ Bài thơ “ Mẹ ta trả nhớ về không”: Nỗi niềm day dứt khôn nguôi của người con đối với mẹ...</p> <p>(Phân tích những hình ảnh tiêu biểu để làm rõ).</p> <p>- Khái quát giá trị nghệ thuật: Hình ảnh, từ ngữ....</p> <p>- Mở rộng: Cả 2 bài thơ là lời nhắc nhở mỗi chúng ta cần biết yêu thương, trân trọng và biết ơn công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.....</p> <p>- Bài học đối với bản thân.</p>	<p>0,5</p> <p>2,5</p>
--	--	-----------------------

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 3,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,5 điểm – 3,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,5 – 0,75 điểm <p>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các luận điểm cụ thể để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p>Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,5 điểm – 1,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm 	0,5
		1,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,25

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn văn bản sau:**

Anh ra khơi
 Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng
 Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng
 Biển một bên và em một bên

Biển ồn ào, em lại dịu êm
 Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ
 Anh như con tàu lẳng sóng từ hai phía
 Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn
 Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc
 Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc
 Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn
 Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc
 Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc
 Biển một bên và em một bên

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên
 Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng
 Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng
 Biển một bên và em một bên

Vòm trời kia có thể sẽ không em
 Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ
 Cho dù thế thì anh vẫn nhớ
 Biển một bên và em một bên...

Hải Phòng, 1981 - (Trần Đăng Khoa)

Trả lời các câu hỏi:**Câu 1:** Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản trên?**Câu 2:** Chỉ ra các đặc điểm của thể thơ sử dụng trong văn bản?**Câu 3:** Hiệu quả của cách điệp lại câu thơ: “*Biển một bên và em một bên*”?**Câu 4:** Nhận xét về hình ảnh người lính trong những câu thơ sau?

*Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên
 Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng
 Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng
 Biển một bên và em một bên*

Câu 5: Từ hình ảnh người lính biển trong bài thơ, anh chị hãy rút ra trách nhiệm của thế hệ trẻ với biển đảo Việt Nam?**II. VIẾT (6,0 điểm)****Đọc 2 đoạn văn bản sau:**

“Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thất lưng buộc bụng, nuôi nó từ tám tám, tí tí giờ đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.

Con vợ nó không phải giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã vội vàng đi lấy chồng ngay, nó đem đưa con gái lên năm già lại bà. Thành thử bà đã già ngót bảy mươi, lại còn phải làm cơm còm, làm mà nuôi đưa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương, hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?

Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cái mà cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu váy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoái đấy, ông ấy còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào hết sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giã. Đi đã thấy mỏi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ...”

(Nam Cao, Trích Một bữa no, Tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học)

Và:

“Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa lớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà lá. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan gãy nát. Mùa rét thì trải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với người nghèo như bác một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi từng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà.

Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ, dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói, mấy đứa nhỏ nhất: con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó. Thằng con lớn thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua, con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vợ vàng bác Lê đẩy con ra, vợ lấy bó lúa, đem đi xuống dưới chân vò nát, vét hột thóc giã lấy gạo. Rồi làm một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét, mẹ con ngồi chung quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

(Thạch Lam, Trích Nhà mẹ Lê - “Gió đầu mùa”, NXB Thạch Ngữ, 1974)

Chú thích:

* Tác giả Nam Cao (1915- 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, sinh trong một gia đình nông dân ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông được đánh giá là một trong những nhà văn hiện thực phê phán xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.

Giọng văn tinh tảo sắc lạnh mà nặng trĩu suy tư, buồn thương chua chát mà đậm thắm yêu thương, ngôn từ sống động tinh tế mà gần gũi, giản dị

- Tác phẩm “Một bữa no” được trích từ “Tuyển tập Nam Cao” của nhà xuất bản thời đại, được sáng tác năm 1943. Một bữa no viết về đề tài người nông dân. Đây là thời điểm trước cách mạng, đất nước gặp rất nhiều khó khăn, không ngừng chịu sự hoành hành của giặc ngoại xâm ta còn phải chịu nạn giặc đói và giặc dốt.

* Tác giả Thạch Lam: Nhà văn Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Lân, là người có tâm lòng đôn hậu, tinh tế, giàu tình yêu thương con người. Thạch Lam đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật. Sáng tác có sự hòa quyện tuyệt vời giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình.

- Truyện ngắn Nhà mẹ Lê: tác phẩm tiêu biểu và đặc sắc về tình mẫu tử do văn sĩ chấp bút, xuất bản lần đầu vào năm 1942. Truyện ngắn này không chỉ tái hiện tình cảm mẹ con xúc động mà còn dựng nên cả bức tranh toàn cảnh làng quê Việt Nam tiêu điều, xơ xác trước Cách mạng tháng Tám.

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh 2 đoạn văn bản trên để làm nổi bật hai nhân vật trong hai đoạn văn bản trên?

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật trữ tình: người lính biển (xung anh) Hướng dẫn chấm: Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm	0,5
	2	- Thể thơ: tự do - Dấu hiệu: các câu dài ngắn khác nhau (không quy định số câu, số chữ) Hướng dẫn chấm: Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm Học sinh trả lời 1 ý: 0,25 điểm Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai: 0 điểm	0,5
	3	Hiệu quả của cách điệp lại câu thơ: “Biển một bên và em một bên”:	1,0

		<p>- Đoạn thơ sinh động, hấp dẫn gợi hình gợi cảm, giàu nhịp điệu.</p> <p>- Nhấn mạnh khẳng định trong tâm hồn người lính biển, tình yêu lứa đôi luôn hòa quyện với tình yêu biển trời tổ quốc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm</p> <p>Học sinh trả lời nhưng còn thiếu, chưa rõ ràng tùy mức độ từ 0.25 đến 0.75 điểm.</p> <p>Học sinh không trả lời: 0 điểm.</p>	
4		<p>Nhận xét về hình ảnh người lính trong những câu thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng Biển một bên và em một bên</i></p> <p>- Người lính vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh, cầm chắc tay súng nơi đảo xa để bảo vệ tổ quốc. Trong tâm hồn người lính biển, tình yêu lứa đôi luôn hòa quyện với tình yêu biển trời tổ quốc.</p> <p>- Hình ảnh đẹp, đáng trân trọng, tự hào.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm</p> <p>Học sinh trả lời nhưng còn thiếu, chưa rõ ràng tùy mức độ từ 0.25 đến 0.75 điểm.</p> <p>Học sinh không trả lời: 0 điểm.</p>	1,0
5		<p>Từ hình ảnh người lính biển trong bài thơ, anh chị hãy rút ra trách nhiệm của thế hệ trẻ với biển đảo Việt Nam:</p> <p>- Hình ảnh người lính</p> <p>- Trách nhiệm của thế hệ trẻ</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm</p> <p>Học sinh trả lời nhưng còn thiếu, chưa rõ ràng tùy mức độ từ 0.25 đến 0.75 điểm.</p> <p>Học sinh không trả lời: 0 điểm</p>	1,0
II		VIẾT	6,0

	Đề bài: Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận so sánh 2 đoạn văn bản trên để làm nổi bật vẻ đẹp của hai nhân vật trong hai đoạn văn bản trên	
1	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội Xác định được yêu cầu của kiểu bài: viết bài văn nghị luận văn học	0,5
2	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Bài văn nghị luận văn học so sánh 2 đoạn văn bản trên để làm nổi bật hai nhân vật trong hai đoạn văn bản trên	0,5
3	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý:	
4	Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Giới thiệu khái quát về các đối tượng so sánh và vấn đề so sánh	0,5
	a. Luận điểm 1: Cảm nhận, phân tích các đối tượng a1. Cảm nhận, phân tích nhân vật bà trong “Một bữa no”: * Hoàn cảnh sống: - Là một người góa chồng, gà mái nuôi con - Khi con lớn thì “người đầu bạc tiền kẻ đầu xanh”, con dâu bỏ đi, để lại bà với đứa cháu nhỏ => Đại diện cho kiếp nghèo khổ, bất hạnh khi già yếu đã không có miếng ăn lại phải nuôi đứa cháu nhỏ. * Số phận: Cuộc sống của bà là một chuỗi ngày tháng cơ cực, vất vả, khổ đau. => Bà lão là đại diện cho số phận bất hạnh của người nông dân nghèo trong xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Một người có số kiếp nghèo khổ, suốt đời làm lụng nhưng cũng không đủ để có miếng ăn hàng ngày. a2. Cảm nhận, phân tích nhân vật mẹ Lê trong “Nhà mẹ Lê”: * Ngoại hình: Mẹ Lê có ngoại hình chần chẫn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo hết như một quả trám khô, hé lộ thân phận lam lũ, vất vả. * Hoàn cảnh: - Xuất thân là một người phụ nữ nông thôn. - Là một người dân ngụ cư nghèo, thường làm thuê để kiếm sống. - Chồng mất nên một mình mẹ Lê nuôi mười một người con, trong đó đứa lớn mới có mười bảy tuổi và đứa bé nhất hãy còn bế trên tay. - Gia tài của mẹ Lê chỉ có một căn nhà lá, trong nhà có mỗi một chiếc giường nan gãy nát. * Số phận cực khổ, lam lũ, đói khát.	2,0
	b. Luận điểm 2: So sánh các đối tượng b1. Nét tương đồng: Đều là những người phụ nữ lao động có hoàn cảnh sống vất vả, khổ cực. b2. Nét khác biệt:	1,0

		<p>* Nhân vật người bà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lên nhân vật người bà rất đáng thương: Bà đã bỏ hết liêm sỉ của mình, mà ăn bữa ăn bố thí không cảm thấy xấu hổ - Các nhân vật gồm ông nội, cha mẹ và hai đứa nhỏ đã góp phần làm nổi bật lên nhân vật chính là người bà <p>=> Qua đó tác giả đem đến cho độc giả những cảm nhận chân thực nhất về cuộc sống khó khăn, về tình yêu thương và niềm hy vọng trong một gia đình nông thôn.</p> <p>* Nhân vật mẹ Lê:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn cảnh: Nhà đông con, nghèo đói, phải đi làm thuê làm mướn + Mẹ Lê là người mẹ giàu tình thương con, chịu thương chịu khó. <p>=> Qua đó tác giả cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự thiêng liêng cao cả của tình mẫu tử. + Tình cảm nhân đạo sâu sắc của tác giả: Yêu thương, xót xa, ái ngại cho cảnh ngộ nghèo khổ nhà bác Lê. 	
		<p>c. Luận điểm 3: Lí giải sự tương đồng, khác biệt giữa hai đối tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống nhau: cùng thời điểm trước cách mạng, cùng thể loại truyện ngắn. - Khác nhau: phong cách mỗi nhà văn. 	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu. - Có thể rút ra ý kiến cá nhân về vấn đề. 	0,5
	5	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	6	<p>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0,25
Tổng điểm			10.0

ĐỀ 10

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Trong cuộc gặp, khi một bạn trẻ yêu cầu đưa ra lời khuyên cho những người trẻ, tổng thống Obama đã nói rằng: “ Lúc nào cũng muốn mình là người nợ người kia thì rất tốn thời gian. Hãy yêu công việc mình làm. Bill Gates đâu có muốn làm tỉ phú. Ông ấy tập trung vào máy tính.

Tôi đâu nghĩ mình sẽ làm tổng thống, tôi quan tâm đến người nghèo nên đến làm ở Chiacago. Tôi xây dựng tổ chức có thể mang lại điều tôi quan tâm và đó là lí do dẫn dắt tôi vào vị trí tổng thống.

Hãy tập trung vào làm tốt điều nào đó và tự dưng bạn sẽ trở thành nhà lãnh đạo,”

(Trích Tổng thống Obama kết thúc chuyến thăm Việt Nam, dẫn theo Tienphong.vn)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Đoạn trích trên thuật lại điều gì?

Câu 2. Theo tổng thống Mỹ Obama, một nhà lãnh đạo cần có tố chất gì?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 4. Theo tổng thống Mỹ Obama: *Hãy tập trung vào làm tốt điều nào đó và tự dung bạn sẽ trở thành nhà lãnh đạo.* Anh/chị có tán thành với ý kiến đó không?

Câu 5. Bài học sâu sắc cho bản thân mà anh/chị rút ra từ đoạn trích trên là gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn thơ sau :

“ Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn,

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng,

Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,

Cho no nê thanh sắc của thời tươi,

– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!”

(Trích Vội vàng – Xuân Diệu, in trong cuốn Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, 1994, tr 110)

“Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với trăm nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm, cù bất cù bơ...”

(Trích Từ ấy – Tố Hữu, in trong Tác phẩm và lời bình, NXB Văn học, 2011, tr 7)

.....HẾT.....

HƯỚNG DẪN CHẤM- THANG ĐIỂM ĐỀ KTGK 1(NGỮ VĂN 12)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Đoạn trích trên thuật lại lời khuyên của tổng thống Obama đối với những người trẻ nhân chuyến thăm Việt Nam của ông</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ <i>Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</i></p> <p>+ <i>Câu trả lời khác hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</i></p>	0,5
	2	<p>Theo tổng thống Mỹ Obama, một nhà lãnh đạo cần có tình yêu với công việc mình làm và tập trung vào công việc đó.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ <i>Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</i></p> <p>+ <i>Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm</i></p>	0,5
	3	<p>Đoạn trích trên chủ yếu sử dụng phép liên kết câu: lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tăng sức biểu đạt, tạo sự hấp dẫn...</p> <p>+ Làm cho câu trong đoạn trích có sự gắn kết về chủ đề, được sắp xếp theo một trình tự hợp lí và chặt chẽ</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ <i>Học sinh trả lời như đáp án :1,0 điểm.</i></p>	1,0

		+ Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm	
	4	<p>Học sinh thể hiện sự đồng tình hoặc phản đối (hoặc kết hợp cả hai) quan điểm của tổng thống Mỹ Obama: <i>Hãy tập trung vào làm tốt điều nào đó và tự dung bạn sẽ trở thành nhà lãnh đạo. Cần có lí giải cụ thể và chặt chẽ để bảo vệ quan điểm của mình.</i></p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ Học sinh trả lời đồng tình/không đồng tình/cả 2: 0,5 điểm</p> <p>+ Học sinh lí giải thuyết phục: 0,5 điểm</p>	1,0
	5	<p>Bài học được rút ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn trở thành nhà lãnh đạo thì cần phải làm thật tốt một điều gì đó (điều có ý nghĩa cho bản thân và xã hội) - Luôn nỗ lực để làm những điều tốt đẹp cho bản thân và xã hội, nhưng không nhất thiết phải trở thành người lãnh đạo. - Mỗi người cần có một niềm đam mê riêng và tập trung vào điều mà mình đam mê ấy. <p>(chấp nhận cách diễn đạt tương đương)</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ Học sinh rút ra được bài học phù hợp và lí giải bằng những lí lẽ thuyết phục cao: 1,0</p> <p>+ Học sinh rút ra bài học phù hợp, lí giải tương đối rõ ràng, hợp lí, khá thuyết phục: 0,75 điểm</p> <p>+ Học sinh rút ra bài học hợp lí, phần lí giải chưa có sức thuyết phục chưa cao: 0,5 điểm</p> <p>+ Học sinh rút ra bài học hợp lí nhưng không lí giải: 0,25 điểm</p> <p>+ HS không trả lời: 0,0 điểm</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ	
		<p>a.. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học</p>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: so sánh 2 đoạn thơ	0,5

	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p>• Giới thiệu Hai đoạn thơ trích từ hai bài thơ của hai tác giả đã nêu lên quan niệm sống tích cực, đẹp đẽ của một nhà thơ Mới và một nhà thơ cách mạng tiêu biểu nhất của nền thi ca Việt Nam hiện đại.</p> <p>• Cảm nhận đoạn thơ trong bài thơ “Vội vàng” (Xuân Diệu) – Về nội dung: Quan niệm sống của Xuân Diệu xuất phát từ tình yêu cuộc sống, con người tha thiết và một cảm quan đặc biệt về thời gian. Về đẹp cuộc sống trong cái nhìn của nhà thơ hiện ra với những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ : mây đưa, gió lượn, cánh bướm, tình yêu, cỏ rặng ngời trong nắng. Nhà thơ đã nhân hoá những vẻ đẹp thiên nhiên đó để nó mang hương sắc của tuổi xuân, tuổi trẻ. Tuy nhiên, những vẻ đẹp ấy sẽ phai tàn cùng với sự trôi chảy của thời gian. Vì vậy, sống là phải chủ động, hết mình, đắm say, mãnh liệt, thức nhọn mọi giác quan để tận hưởng tất cả những vẻ đẹp của cuộc sống, của niềm vui, tình yêu và hạnh phúc. Chú ý phân tích các từ : <i>ôm-riết-say- thấu-hồn-cẩn</i> và điệp từ <i>ta muốn</i> để thấy rõ cảm xúc ham hố, vô vấp cả nhà thơ trước vẻ đẹp cuộc sống trần gian. – Về nghệ thuật: Góp phần thể hiện nội dung cảm xúc của đoạn thơ, nhà thơ đã sử dụng thành công những câu thơ tự do mang điệu nói, nhịp thơ dồn dập, lời cuốn; cách sử dụng những động từ táo bạo, mới mẻ; phép lặp từ... để khắc hoạ ước muốn giao cảm tận độ vô biên của thi sĩ với cuộc sống.</p> <p>• Cảm nhận đoạn thơ trong bài “Tự ấy” (Tố Hữu) – Về nội dung: Quan niệm sống và cũng là quan niệm nghệ thuật của Tố Hữu thể hiện trong đoạn thơ là kết quả của sự giác ngộ lí tưởng cộng sản. Nó đã chỉ rõ con đường đời và con đường nghệ thuật của nhà thơ là phải đứng vào hàng ngũ những người lao động để gắn bó, cùng chiến đấu vì lí tưởng cộng sản. Tố Hữu quan niệm : sống là tự nguyện đặt cái “tôi” của mình trong mối quan hệ gắn bó với quần chúng nhân dân. Tâm hồn thi sĩ trải rộng với cuộc đời, cùng hoà nhịp, đồng cảm với những con người đau khổ như những người ruột thịt. Sống là chiến đấu, là hi sinh vì sự nghiệp cách mạng, vì quần chúng, nhân loại cần lao. (Chú ý phân tích các từ : <i>“tôi buộc”, “tôi đã là con”, “là anh”, “là em”, “trăm nơi”, “hồn khổ”, “vạn nhà”, “kiếp phôi pha”...</i>) – Về nghệ thuật: Góp phần thể hiện nội dung cảm xúc của đoạn thơ, nhà thơ đã sử dụng thành công phép lặp, những từ ngữ giàu tính tạo hình, biểu cảm ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu, nhịp thơ dồn dập, mạnh mẽ....</p> <p>• Những điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ *Tương đồng: – Hai đoạn thơ đều thể hiện quan niệm sống tích cực, đẹp đẽ của một thế hệ tuổi trẻ được thức tỉnh ý thức cá nhân, khát khao được</p>	<p>0,5</p> <p>1,5</p> <p>1,5</p>
--	--	----------------------------------

	<p>khẳng định mình bằng một cuộc sống có ý nghĩa. Đó là lẽ sống cao đẹp của những con người gắn bó với cuộc đời, với nhân dân, đất nước.</p> <p>– Hai nhà thơ đã vận dụng những thành tựu nghệ thuật của công cuộc hiện đại hóa thơ ca đương thời.</p> <p>* Khác biệt:</p> <p>– Đoạn thơ của Xuân Diệu thể hiện quan niệm sống của một nhà thơ Mới. Nó thể hiện sự trân trọng của nhà thơ với vẻ đẹp cuộc sống, tuổi trẻ, niềm vui, hạnh phúc ở cuộc đời. Đó là một quan niệm giàu giá trị nhân văn.</p> <p>– Đoạn thơ của Tố Hữu nêu lên lẽ sống của một nhà thơ cách mạng đã nhận thức sâu sắc mối liên hệ giữa cá nhân mình với quần chúng lao khổ để chiến đấu vì một lí tưởng chung. Đó là lẽ sống cao đẹp của con người ưu tú khi được giác ngộ cách mạng.</p> <p>* Khác biệt:</p> <p>– Đoạn thơ của Xuân Diệu thể hiện quan niệm sống của một nhà thơ Mới. Nó thể hiện sự trân trọng của nhà thơ với vẻ đẹp cuộc sống, tuổi trẻ, niềm vui, hạnh phúc ở cuộc đời. Đó là một quan niệm giàu giá trị nhân văn.</p> <p>– Đoạn thơ của Tố Hữu nêu lên lẽ sống của một nhà thơ cách mạng đã nhận thức sâu sắc mối liên hệ giữa cá nhân mình với quần chúng lao khổ để chiến đấu vì một lí tưởng chung. Đó là lẽ sống cao đẹp của con người ưu tú khi được giác ngộ cách mạng.</p> <p><i>Khái quát lại vấn đề NL</i></p>	0,5
	<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	0,25
	<p>đ. Điểm đạt</p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản</i></p>	0,25

	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 11

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)*Đọc văn bản sau:***TỨC NHAU TIẾNG GÁY**

Ông Nhạ và ông Dương là hàng xóm của nhau. Hai nhà chỉ cách nhau một cái rặng rào “con trâu chui lọt”. Cả hai gia đình đều thuộc loại “có nếp” không bao giờ thấy họ nói to với nhau và với người trong nhà. Giá kể cuộc sống cứ làng nhàng ngày ba bữa cơm rau sẽ chẳng có chuyện gì. Bởi họ đã sống với nhau nhiều năm hoà thuận trong sự nghèo khó chung.

Thế rồi do sự xoay chuyển của cơ giới, vận đất, hai nhà cứ khác biệt dần dần. Ông Nhạ nhỉnh hơn ông Dương về kinh tế. Mặc dù cố hết sức, ông Dương vẫn không xoay đủ tiền để mua cái tám một lập thể cân bằng với ông Nhạ. “Thua nhau về kinh tế chỉ là thua tạm thời” – ông Dương nghĩ thế. Chịu khó chất bóp rồi cũng có. Sau khi ngồi phờng chịu lãi cao, ông Dương cũng dắt được cái xe y hệt nhà ông Nhạ về dựng giữa sân, nổ ròn rã một mẻ. Việc ông bắt con cái ăn bớt đi chỉ trong nhà biết.

Mọi việc bình thường. Nhưng cậu Tư nhà ông Nhạ học giỏi nhất nhì trong xã thì thực vô lí, nhất là khi cậu Tường nhà ông Dương cứ bì bọp lội qua từng lớp. Đến hết cấp hai thì Tường tụt lại. Ông Dương tức lắm, ngày đêm nhồi nhét vào đầu cậu Tường những kiến thức vượt cấp. Càng khó, càng hoảng, cuối cùng Tường tru tréo lên:

- Bớ bắt con đi vác đầu còn hơn.

Ông Dương nghiêng ngả

- Mày ngu lắm. Ai bắt mày biết tường tận những thứ đó. Tao chỉ cần mày thuộc vẹt thôi.

Thế là Tường lại ngồi vào gào to lên những điều cậu hoàn toàn mù mịt.

Trong khi cậu Tư nhẹ nhàng thi hết cấp rồi vào đại học thì cô em Tư cũng kịp lớn, vừa xinh đẹp lại vừa ngoan. Bên kia ông Kim Dương lại trang bị cho cô Quế từ chân đến đầu để đối lại. Cô Quế tự đứng được ăn chơi sinh lời và đồng đánh. Ngày ngày cô cười tám một đi học nhưng thực ra là đàn đúm với đám các cô ở thị trấn, không

cửa hàng nào không điếu qua điếu lại. Thật như trời treu người, cậu Tư được đi học ở Úc. Ông Nhạ khiêm nhường mời hàng xóm (tất nhiên đầu tiên phải là ông Dương)

đến uống nước hút thuốc. Ông có lời thưa rất cung kính:

- Cháu nó được như hôm nay là nhờ phúc của các ông các bà...

Ông Dương ngồi nghe mà nhức nhối khắp người. Trở về ông vắt óc nghĩ cách đưa cậu Tường đi Mỹ. Mỹ ắt phải hơn Úc!

- Bao nhiêu tao cũng chạy. – Ông hùng hồn tuyên bố trong bữa ăn. – Tao có kém đứa nào ở đời này.

Cậu Tường đang sẵn chán học, bảo:

- Đi Mỹ thì khó nhưng đi Hàn Quốc thì được.

- Hàn Quốc có ra gì không?

- Sao lì không ra gì? Nhất đấy.

- Bao nhiêu?

- Bạn con đòi đủ 25 triệu.

Nghĩ đến khoản tiền quá lớn lại rất có thể đem ném vào miệng cọp, ông Dương nổi cáu:

Tất cả tại mày. Mày có biết bố mày khổ thế nào không? Đêm ấy ông Dương lại nằm bóp trán. Nhưng suốt hàng tuần sau, ông vẫn không tìm được phương án khả thi, kịp cho thêm một niêm và ông vẫn với nhà ông Nhạ: cô Kim nhận giải tiếng Anh và được đi Hanada một năm để luyện nói. Trong khi ông Nhạ mừng bao nhiêu thì ông Dương buồn bấy nhiêu. Đến đoạn này thì ông không cố được nữa. Mặc dù phao lên rằng, tới đây rất có thể có Quế được đi Pháp nhưng nụ cười của ông vẫn méo mó đến nỗi ông lặng lẽ bỏ về giữa cuộc để khỏi phải khóc trước bàn dân thiên hạ. Tự dưng ông Dương cô đơn quá. Ở đời con gà thua nhau tiếng gáy còn uất sặc máu. Vậy mà...

(Tạ Duy Anh, Ba đào kí hay những chuyện dở khóc dở cười, NXB Hội Nhà văn, 2008, tr. 29–31)

Thực hiện các yêu cầu/Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Liệt kê một số chi tiết thể hiện sự ganh đua của ông Dương trong văn bản.

Câu 3. Chỉ ra sự khác nhau giữa những người con của nhà ông Dương và những người con của nhà ông Nhạ.

Câu 4. Qua cách ứng xử của ông Dương khi thấy bố con ông Nhạ hơn nhà mình, anh/ chị thấy ông Dương là người như thế nào?

Câu 5. Hãy nêu một bài học mà anh/ chị thấy có ý nghĩa nhất qua văn bản và giải thích lí do.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Trước cảnh chiều thu, Anh Thơ viết:

Mây sẫm lại trên ao đầy khói lớt

Bụi chuối vàng run đón gió bay qua.

Tiếng đẽ kêu rì rào bên rãnh nước

Nhịp chuông chiều vắng vắng mái chùa xa.

(Trích “Chiều thu”, Anh Thơ, Bức tranh quê, NXB Hội Nhà văn, 1995)

Còn nhà thơ Tế Hanh lại cảm nhận:

Trời xanh một màu xanh mênh mông

Chiều thu lúa gặt phẳng phiu đồng

Phương tây ánh nắng vừa chia biệt

Đã thấy trăng chào sáng phía đông.

Thu 1964

(“Chiều thu”, Tế Hanh, Khúc ca mới, NXB Văn học 1966)

Anh/ Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh cảm hứng chiều thu của Anh Thơ và Tế Hanh qua hai áng thơ trên.

Chú thích:

Nữ sĩ Anh Thơ (1921 – 2005) tên thật là Vương Kiều Ân, quê ở tỉnh Hải Dương. Anh Thơ sáng tác từ năm 17 tuổi. Với tập *Bức tranh quê*, bà được nhận giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn. Sau đó, bà tham gia viết bài cho báo *Đông Tây* và một vài báo khác. Giữa lúc phong trào Thơ Mới đang diễn ra sôi nổi, Anh Thơ đã tìm đến thơ như một con đường giải thoát và tự khẳng định giá trị của người phụ nữ trong xã hội đương thời. Thơ bà thiên về tả cảnh bình dị quen thuộc: bờ tre,

con đò, bến sông, với những nét vẽ chân thực, tinh tế thấm đượm một chút tình quê đầm thắm pha chút băng khuâng buồn của Thơ mới.

Tế Hanh (1921 – 2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh, là một nhà thơ thời tiền chiến. Tế Hanh sinh ra tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi, do đó quê hương chính là nguồn cảm hứng lớn nhất của ông. Ông xuất hiện ở chặng cuối của phong trào Thơ Mới với những bài thơ mang theo nỗi buồn và tình yêu quê hương. Sau năm 1945, ông vẫn luôn tiếp tục bền bỉ sáng tác nhằm phục vụ cách mạng và kháng chiến. Ông được biết đến nhiều nhất với những bài thơ thể hiện nỗi nhớ quê hương tha thiết và niềm khao khát Tổ quốc được thống nhất.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể của người kể chuyện: Ngôi thứ ba Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm	0.5
	2	Một số chi tiết thể hiện sự ganh đua: - Đi vay lãi cao mua về cái xe y hệt của nhà ông Nhạ, dựng ở giữa sân nổ ròn rã một mẻ... - Ngày đêm nhồi nhét vào đầu cậu Tường những kiến thức vượt cấp. - Trang bị cho cô Quế từ chân đến đầu để đổi lại sự xinh đẹp, ngoan hiền của cô Kim. - Vất óc nghĩ cách đưa cậu Tường đi Mỹ. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm	0.5
	3	Sự khác nhau giữa những người con của nhà ông Dương và những người con của nhà ông Nhạ: – Tính cách, phẩm chất, năng lực:	1.0

	<p>+ Những người con của nhà ông Dương: Lười, ham chơi, đua đòi,...</p> <p>+ Những người con của nhà ông Nhạ: Dễ thương, thông minh, ham học, giỏi giang,...</p> <p>– Tác động đến những người thân:</p> <p>+ Những người con của nhà ông Dương mang lại những lo lắng, buồn rầu, bị kịch cho cha mẹ.</p> <p>+ Những người con của nhà ông Nhạ mang lại niềm vui, hạnh phúc, tự hào cho cha mẹ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương tự đáp án: 1.0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm</p>	
4	<p>Qua cách ứng xử của ông Dương khi thấy bố con ông Nhạ hơn nhà mình, có thể thấy:</p> <p>- Ông Dương là người ghen ăn tức ở, nuông chiều con cái, hơn thua, háo danh, không biết người biết ta,...</p> <p>- Ông Dương là người mang những nét tính cách không tốt, có thể gặp đâu đó trong xã hội. Những nét tính cách ấy ảnh hưởng xấu làm hại đến con cái, gia đình, làm khổ nhục cho chính ông.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương tự đáp án: 1.0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm</p>	1.0
5	<p>- Nêu một bài học có ý nghĩa nhất, có thể chọn một trong hai bài học dưới đây:</p> <p>+ Không nên sống ganh đua, hơn thua.</p> <p>+ Nên sống khiêm nhường; biết mình biết ta.</p> <p>- Giải thích lí do:</p> <p>Không nên sống ganh đua, hơn thua vì sống ganh đua, hơn thua sẽ:</p> <p>+ Tạo nên tính đố kị.</p> <p>+ Làm cho mình trở nên mù quáng, đuổi theo những điều nằm ngoài tầm tay của mình.</p> <p>+ Khiến mình không chịu kém người, không biết người biết ta.</p>	1,0

		<p>+ Làm khổ người khác, làm khổ chính mình.</p> <p>+ Mang đến bi kịch cho người thân của mình, cho chính mình.</p> <p>+ Khiến mọi người xa lánh, xem thường; trở thành gương mù gương xấu cho người khác.</p> <p>Nên sống khiêm nhường, biết mình biết ta vì: sống khiêm nhường, biết mình biết ta</p> <p>+ Là một lối sống đẹp, tích cực.</p> <p>+ Sẽ được mọi người yêu mến, quý trọng, trở thành gương lành gương sáng cho người khác noi theo.</p> <p>+ Sẽ nhận được niềm vui, hạnh phúc và thấy được cuộc sống của mình là hữu ích.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Học sinh rút ra được bài học: 0,25 điểm.</p> <p>- Lí giải vì sao:</p> <p>+ Hợp lí, thuyết phục: 0,75 điểm</p> <p>+ Tương đối phù hợp nhưng chưa được thuyết phục: 0,5 điểm.</p> <p>+ Lí giải chưa rõ: 0,25 điểm.</p> <p>+ Chưa phù hợp: 0 điểm</p>	
II	VIẾT		6,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn thơ	Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: so sánh, đánh giá hai đoạn trong	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ, chưa đúng trọng tâm vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	0,50
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm	Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt	4,5

	<p>các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh cảm hứng chiều thu của Anh Thơ và Tế Hanh qua hai áng thơ. - Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: <p>Xác định được các ý chính của bài viết</p> <p>Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận.</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu hai áng thơ được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá.</p> <p>“Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng.” (Ra-xun Gam-zat-dốp). Có lẽ vậy mà dấu đẹp đến đắm say ta vẫn thấy chiều thu trong thơ Anh Thơ khác với chiều thu trong thơ Tế Hanh. Trong khi Anh Thơ viết:</p> <p style="text-align: center;"><i>Mây sẫm lại trên ao đầy khởi lớt</i> <i>Bụi chuối vàng run đón gió bay qua.</i> <i>Tiếng dế kêu rì rào bên rãnh nước</i> <i>Nhịp chuông chiều vắng vắng mái chùa xa</i></p> <p>Thì Tế Hanh lại cảm nhận:</p> <p style="text-align: center;"><i>Trời xanh một màu xanh mênh mông</i> <i>Chiều thu lúa gặt phẳng phiu đồng</i> <i>Phương tây ánh nắng vừa chia biệt</i> <i>Đã thấy trăng chào sáng phía đông.</i></p> <p>* Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin chung về từng đoạn thơ: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... <p>Thu là cảm hứng muôn đời của thi nhân. Thu sớm bằng lăng khói sương, thu trưa trời xanh thăm thăm, thu chiều gió hắt hiu mê mải,... Thu ngân vọng trong tâm hồn thi nhân có khi bởi một tiếng ngỗng xám cả trời, có khi bởi khóm cúc đầm nước mắt giai nhân hoặc cũng đôi khi là rừng phong đỏ nhuộm buồn chia biệt,... Nhà thơ Anh Thơ, ngòi bút nữ tính ngọt ngào đắm thắm của phong trào Thơ mới đã phả vào Chiều thu một cõi lòng nặng trĩu tâm tư. Trong khi đó, Tế Hanh xuất hiện vào cuối phong trào Thơ mới nhưng thơ Cách mạng mới là nguồn cảm hứng đắm say vô tận trong ông. Có lẽ vậy mà khác với</p>	<p>(0,5)</p> <p>(1,0)</p>
--	---	---------------------------

	<p>Chiều thu của Anh Thơ, Chiều thu của Tế Hanh lại thấm đẫm tâm hồn người Cách mạng.</p> <p>– So sánh cảm hứng chiều thu của Anh Thơ và Tế Hanh qua hai áng thơ:</p> <p>a. Giống nhau:</p> <p>+ Đề tài và cách chọn phương thức bộc lộ cảm xúc:</p> <p>++ Đề tài: Bức tranh chiều thu.</p> <p>++ Cách chọn phương thức bộc lộ cảm xúc:</p> <p>Nhân vật trữ tình: Cùng chọn nhân vật trữ tình ẩn danh để khách quan hoá cái nhìn và . cảnh chiều thu, từ đó đánh thức mỗi đồng điệu giữa tâm tư người viết và tâm hồn độc giả.</p> <p>Góc nhìn: Góc nhìn từ trên xuống dưới, từ gần đến xa.</p> <p>• Hình thức thể hiện: Mỗi áng thơ giống như một bức tranh tứ tuyệt xinh xắn, ngôn từ bình dị, dân dã, hình ảnh thơ chân thực, sống động, gần gũi, phép nhân hoá khiến tạo vật trở nên có linh hồn.</p> <p>+ Hướng triển khai mạch thơ:</p> <p>++ Bức tranh chiều thu mở ra theo chiều không gian, đẹp đẽ, nên thơ, thanh bình, êm ả với ánh sáng, màu sắc, âm thanh,...</p> <p>++ Đó cũng là bức tranh chứa chở tâm tư con người.</p> <p>b. Khác nhau:</p> <p>+ Những bức tranh chiều thu mang sắc thái khác biệt:</p> <p>++ “Chiều thu” của Anh Thơ:</p> <p>• Một bức tranh mây tối sẫm, hoà trong khói chiều lướt trên mặt ao, bụi chuối run rẩy trước gió, tiếng dế rì rào, chuông chùa văng xa.</p> <p>• Thời gian như ngưng đọng, con người vắng bóng, sắc màu u trầm, vàng vọt, thanh âm khi gần, khi xa</p> <p>++ “Chiều thu” của Tế Hanh:</p> <p>• Một bức tranh hiện lên với bầu trời xanh cao rộng, với cánh đồng lúa vừa gặt hái, ngày sắp khép lại nhưng đêm lại mở ra với ánh sáng.</p> <p>• Thời gian có sự vận động, dù là chuyển từ ngày sang đêm nhưng không thấy tối tăm mà ngược lại lại mở ra ánh sáng mới, đoạn thơ nói chia biệt mà lại thấy ấm áp, không nói con người mà lại thấy rõ sức sống tràn căng trong sự no ấm, đủ đầy, trong sự cần cù hôm sớm.</p> <p>+ Mỗi bức tranh chiều thu chứa chở một tâm tư:</p>	<p>(0,5)</p> <p>(1,0)</p>
--	---	---------------------------

	<p>++ “Chiều thu” của Anh Thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo chiều không gian để đắm sâu trong cái tĩnh tại của cảnh; lắng trong tâm tư nên nhà thơ nghe được cả tiếng côn trùng, tiếng chuông vắng xa. • Anh Thơ yêu mến thiên nhiên, tâm hồn tinh tế của nhà thơ đã hoà điệu trong nỗi niềm hoang hoải vô có thấm sâu trong từng tạo vật. • Anh Thơ đã gửi vào trong áng thơ nhỏ nỗi sầu buồn man mác. <p>++ “Chiều thu” của Tế Hanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khi theo chiều không gian, khi theo chiều thời gian để lắng nghe sự sống đang chuyển động không ngừng. • Cả áng thơ thấm đắm tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với con người. • Tác giả gửi trong từng ý thơ niềm hân hoan, vui sướng, niềm hạnh phúc ngập tràn, và niềm tin mãnh liệt vào ánh sáng tươi mới của tương lai. <p>+ Những bức tranh thu được diễn tả bằng hình thức nghệ thuật độc đáo:</p> <p>++ Từ ngữ: Một áng thơ dùng từ láy để tả không gian, từ đó, khắc sâu sự vận động (“Chiều thu” của Tế Hanh), một áng dùng từ láy chỉ thời gian để nhấn mạnh cái tĩnh lặng của không gian (Chiều thu của Anh Thơ).</p> <p>++ Hình ảnh thơ: Một áng thiên về những hình ảnh cụ thể, nhỏ bé (“Chiều thu” của Anh Thơ); một áng hướng về những hình ảnh rộng lớn, mênh mông (“Chiều thu” của Tế Hanh).</p> <p>++ Thể thơ: Một áng chọn thể 7 chữ (“Chiều thu” của Tế Hanh), một áng chọn thể 8 chữ (“Chiều thu” của Anh Thơ).</p> <p>++ Giọng điệu: Một áng thơ mang giọng điệu da diết, u buồn (“Chiều thu” của Anh Thơ); một áng thơ mang giọng điệu tươi vui, tràn đầy tin tưởng (“Chiều thu” của Tế Hanh).</p> <p style="text-align: center;">- Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:</p> <p>+ Tương đồng:</p> <p>++ Mùa thu là cảm hứng muôn đời của thi nhân, thu đẹp thường đánh thức những rung cảm sâu xa.</p> <p>++ Cả hai tâm hồn đều yêu tha thiết mùa thu và yêu quê hương xứ sở</p>	(1,0)
--	--	-------

	<p>++ Mỗi nhà thơ mang những suy tư riêng, những cảm quan riêng, mỗi bức tranh chiều thu được nhìn bằng con mắt nghệ thuật riêng.</p> <p>+ Khác biệt:</p> <p>++ Mỗi nhà thơ thuộc về một thời đại khác nhau: Anh Thơ mang cái tôi Thơ mới, đem nỗi buồn thời thế gửi vào trong thơ, trong khi đó Tế Hanh nhìn chiều thu bằng con mắt của một nhà thơ Cách mạng tràn đầy khí thế và tình yêu đời, tràn đầy tin tưởng vào tương lai.</p> <p>- Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt:</p> <p>+ Mỗi áng thơ là một góc nhìn khác nhau về vẻ đẹp trên mảnh đất hình chữ S thân thương.</p> <p>+ Mỗi áng thơ là minh chứng cho một tài năng khác nhau. Đó cũng chính là nguồn gốc cho sự phong phú và sự hấp dẫn vô tận của văn chương.</p> <p>- Đánh giá:</p> <p>+ Mỗi áng thơ mang vẻ đẹp vừa chung vừa riêng, đó chính là minh chứng cho những tài năng độc đáo của mỗi tác giả.</p> <p>+ Mỗi áng thơ in dấu ấn một thời đại, một phong cách, một tâm hồn, cùng góp phần làm giàu thêm nền văn học dân tộc nói chung; đồng thời khẳng định sức sống mãnh liệt của thi ca về đề tài mùa thu nói riêng.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc vấn đề: 2.0 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ nhưng chưa sâu sắc vấn đề: 1,25-1,75 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ vấn đề: 0,75-1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ vấn đề: 0,25-0,5 điểm.</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai áng thơ.</p> <p>- Có thể nêu những ấn tượng của bản thân .</p> <p>Mỗi đoá hoa thơ đọng lại trong ta một ngát hương không trùng lặp. Mỗi áng thơ hay về Cảnh chiều thu nơi Anh Thơ và Tế Hanh đã gọi trong ta những rung cảm chẳng giống nhau để ta thêm mến yêu những góc cảnh khác nhau trên chính đất nước quê hương mình.</p>	(0,5)
--	--	-------

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh đánh giá được 2 yêu cầu: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh đánh giá được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,50

ĐỀ 12

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo,
Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao?
Vẫn vườn chuối gió lao xao
Sông Châu vẫn chảy nôn nao thuyền...*

*Ả ngơ ngẩn. Gã khùng điên.
Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người!
Vườn suông trắng nở nụ cười
Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau.*

*Giữa đời vàng lẫn với thau
Lòng tin còn chút về sau để dành*

Tình yêu nên vị cháo hành

Đời chung bát vỡ thơm lành lứa đôi!

(Trích *Trăng nở nụ cười*, Lê Đình Cánh)

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2: Bài thơ giúp anh/chị liên tưởng đến tác phẩm nào đã học hoặc đã đọc?

Câu 3: Câu thơ: “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” có ý nghĩa gì?

Câu 4: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong 2 câu thơ sau:

Vườn xuân trăng nở nụ cười

Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau.

Câu 5: Anh/chị viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5- 7 dòng) nêu sức mạnh của tình yêu thương.

II. Viết (6,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá hai đoạn thơ sau:

Văn bản 1

*...Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
Lá nõn, ngành non ai trắng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, nhân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng....*

(“Xuân về”- Nguyễn Bính, trích “*Thi nhân Việt Nam*”- Hoài Thanh- Hoài Chân, NXB Văn học năm 2000, trang 351, 352)

Văn bản 2

*...Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ;
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.*

*Trong đồng lúa xanh ròn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa.*

(“*Chiều xuân*”- Anh Thơ”, trích “*Thi nhân Việt Nam*”, Hoài Thanh- Hoài Chân, NXB Văn học năm 2000, trang 190, 191)

Chú thích

Văn bản 1 : Tác giả Nguyễn Bính (1918 -1966) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính quê ở tỉnh Nam Định. Nguyễn Bính xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, sớm mồ côi mẹ. Nguyễn Bính làm thơ khi mới 13 tuổi và sớm thể hiện tài năng sáng tác của mình. Bằng lối ví von mộc mạc mà duyên dáng mang phong vị dân gian, thơ Nguyễn Bính đem đến cho người đọc những hình ảnh thân thương của quê hương, đất nước và tình người đầm ấm, thiết tha. Vì thế, Nguyễn Bính được coi là thi sĩ đồng quê.

Văn bản 2: Tác giả Anh Thơ (1921 – 2005), tên khai sinh là Vương Kiều Ân, bút hiệu Tuyết Anh. Quê tỉnh Hải Dương. Thơ thiên về tả cảnh bình dị quen thuộc: bờ tre, con đò, bến sông, với những nét vẽ chân thực, tinh tế thấm đượm một chút tình quê đầm ấm pha chút băng khuâng buồn của Thơ mới. Tác phẩm được rút từ tập *Bức tranh quê*, tập thơ đầu tay của Anh Thơ in năm 1941.

ĐÁP ÁN

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	ĐỌC HIỂU		4.0
	1	- Thể thơ tự do Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không đúng đáp án: không có điểm	0.5
	2	Bài thơ giúp ta liên tưởng tới truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng tên tác giả hoặc tác phẩm cho 0,25 điểm.	0.5
	3	Câu thơ: “Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người” thể hiện sức mạnh, sức cảm hóa lớn lao mà tình yêu. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: 0 điểm. - Tùy theo mức độ trả lời của học sinh GV cân nhắc cho điểm.	1.0
	4	Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ là: - Biểu hiện: vàng mười:	1.0

		<p>- Hiệu quả nghệ thuật:</p> <p>+ Chỉ vẽ đẹp tâm hồn, vẽ đẹp tình yêu;</p> <p>+ Thể hiện cái nhìn cảm thông, trân trọng và ngợi ca mối tình Chí Phèo- thị Nở của nhà thơ.</p> <p>+ Đồng thời, tác giả cảm nhận được hương vị tình yêu sẽ làm nên sức mạnh để Chí Phèo trở về làm người lương thiện sau tháng ngày chìm đắm trong thê lương của “quỷ dữ”.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh chỉ ra được câu hỏi tu từ: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh chỉ phân tích đúng các tác dụng của BPTT cho 0,75 điểm (mỗi ý 0,25 điểm)</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: 0 điểm.</p> <p>- Tùy theo mức độ trả lời của học sinh GV cân nhắc cho điểm.</p>	
5		<p>- Yêu cầu về hình thức:</p> <p>Là 1 đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 dòng.</p> <p>Có thể trình bày theo các phương thức: Diễn dịch, quy nạp, song hành, móc xích...</p> <p>- Yêu cầu về nội dung:</p> <p>HS có thể viết theo các gợi ý sau:</p> <p>+ Tình yêu thương giúp con người vượt qua những khó khăn, gian khổ, những vấp ngã... trong cuộc sống.</p> <p>+ Giúp cảm hóa và làm thay đổi con người</p> <p>+ Giúp con người thêm vững tin vào cuộc sống và khiến cuộc đời trở nên tươi đẹp hơn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trình bày đầy đủ, thuyết phục như đáp án: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh không trình bày hoặc trình bày không đúng yêu cầu: không cho điểm.</p>	1.0

II	Làm văn	6,0
	<p><i>a. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Phân tích, đánh giá 2 đoạn văn bản của Nguyễn Bính và Anh Thơ.</p>	0,5
	<p><i>b. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p><i>* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.</i></p>	0,5
	<p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về 2 tác giả: Nguyễn Bính và Anh Thơ (dựa vào tư liệu đề bài và kiến thức văn chương) - Nêu vấn đề cần nghị luận: so sánh, đánh giá về 2 đoạn văn bản từ đề bài. <p>2. Thân bài:</p> <p>Bài làm của học sinh cần nêu được các vấn đề cơ bản sau:</p> <p>* Nội dung</p> <p>Văn bản 1: Bức tranh thiên nhiên mùa xuân:</p> <p>Gió xuân về: làm ửng hồng gò má của "gái chưa chồng"; mang cái lạnh se se. Những cơn mưa mùa xuân qua đi, trời quang mây tạnh. Ánh nắng dịu nhẹ, ấm áp bắt đầu xuất hiện. Lộc non đâm chồi, phủ lên lớp "trắng bạc" sau cơn mưa xuân. Đồng lúa vào "thì con gái" xanh mướt, "mướt như nhung". Các vườn cây tràn ngập màu sắc và mùi hương của các loài hoa, thu hút bướm ong về tụ họp.</p> <p>Văn bản 2: Cảnh vật thân thương và bình yên quá đổi, độc đáo và nên thơ, cảnh quen thuộc trở nên mới mẻ, sinh động, làm vui đi nỗi cô đơn của bến vắng. Màu xanh nhẹ nhàng đầy sức sống của mùa xuân. Cảnh sắc bớt vắng vẻ và trở nên ấm áp hơn. Cái tình và nhấn mạnh nhịp sống bình yên, khoan thai của làng quê. Niềm tin của con người vào một tương lai tươi sáng.</p> <p>+ Điểm chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng viết về chủ đề mùa xuân. - Miêu tả bức tranh thiên nhiên ở nông thôn làng quê Việt Nam với nét vẽ dân dã, quen thuộc, bình dị, hình ảnh thân 	4,25

<p>thương của quê hương, đất nước và tình người đầm thắm, thiết tha.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với các yếu tố đặc trưng như: cánh đồng, bướm trắng, đàn trẻ nô đùa, con người lao động hăng say, yêu đời... - Ca ngợi tình yêu quê hương của tác giả. <p>+ Điểm khác biệt:</p> <p>Văn bản 1: Giọng thơ vui vẻ, tươi mới, phần chân, yêu đời.</p> <p>Văn bản 2: Giọng thơ trầm buồn, man mác, lãng mạn.</p> <p>* Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thơ của Anh Thơ là thể thơ 8 chữ, văn bản của Nguyễn Bính là 7 chữ. + Giọng thơ của Nguyễn Bính lồi vĩ von mệc mệc mà duyên dáng mang phong vị dân gian. Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, được sử dụng khéo léo. Nhịp thơ chậm rãi, cách ngắt nghỉ nhịp nhàng. + Thơ của Anh Thơ tả cảnh với những nét vẽ chân thực, tinh tế thắm đượm một chút tình quê đầm thắm pha chút băng khuâng buồn của Thơ mới. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận về nội dung, nghệ thuật - Nêu cảm nghĩ về đoạn trích của 2 nhà thơ. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận đầy đủ, sâu sắc: 4,5 điểm - Cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75- 4,0 điểm. - Cảm nhận chung chung, chưa rõ nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: 0,75 – 1,25 điểm - Cảm nhận sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 – 0,5 điểm 	
<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0,5

<p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lý luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với tác phẩm khác để làm nổi bật vấn đề nghị luận; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được yêu cầu nói trên: 0,5 điểm</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm</p>	
Tổng	10đ

ĐỀ 13

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới :

Mùa hè năm đó là mùa hè quê ngoại.

Cuối năm lớp chín, tôi học bù đầu, người xanh như tàu lá. Ngày nào mẹ tôi cũng mua bí đỏ về nấu canh cho tôi ăn. Mẹ bảo bí đỏ bổ óc, ăn vào học bài sẽ mau thuộc. Trước nay, tôi vốn thích món này. Bí đỏ nấu với đậu phộng thêm vài cọng rau om, ngon hết biết. Nhưng ngày nào cũng phải buộc ăn món đó, tôi đâm ngán. Hơn nữa, dù dạ dày tôi bấy giờ tuyền một màu đỏ, trí nhớ tôi vẫn chẳng khá lên chút nào. Tôi học trước quên sau, học sau quên trước. Vì vậy tôi phải học gấp đôi những đứa khác.

Tối, tôi thức khuya lơ khuya lắc. Sáng, tôi dậy từ lúc trời còn tờ mờ. Mắt tôi lúc nào cũng đỏ kè. Ba tôi bảo :

- Nhất định đầu thẳng Chương bị hờ một chỗ nào đó. Chữ nghĩa đồ vô bao nhiêu rớt ra bấy nhiêu. Thế nào sang năm cũng phải hàn lại.

Mẹ tôi khác ba tôi. Mẹ không phải là đàn ông. Mẹ không nở bông phèng trước thân hình còm nhom của tôi. Mẹ xích lại gần tôi, đưa tay nắn nắn khớp xương đang lồi ra trên vai tôi, bùi ngùi nói :

- Mà học hành cách sao mà càng ngày càng giống con mấm vậy Chương ơi !

Giọng mẹ tôi như một lời than. Tôi mỉm cười trấn an mẹ:

- Mẹ đừng lo! Qua kỳ thi này, con lại mập lên cho mẹ coi!

Không hiểu mẹ có tin lời tôi không mà tôi thấy mắt mẹ rưng rưng. Thấy mẹ buồn, tôi cũng buồn lây. Nhưng tôi chẳng biết cách nào an ủi mẹ. Tôi đành phải nín thở nuốt trọn một tô canh bí đỏ cho mẹ vui lòng.

Dù sao, công của tôi không phải là công cốc. Những ngày thức khuya dậy sớm đã không phản bội lại tôi. Kỳ thi cuối năm, tôi xếp hạng khá cao.

Ba tôi hào hứng thông báo:

- Sang năm ba sẽ mua cho con một chiếc xe đạp.

Mẹ tôi chẳng hứa hẹn gì. Mẹ chỉ “thương” tôi một cái cốc trên trán:

- Cha mày! Từ nay lo mà ăn ngủ cho lại sức nghe chưa!

Ba tôi vui. Mẹ tôi vui. Nhưng tôi mới là người vui nhất. Tôi dang hoàng chia tay với những tô canh bí đỏ mà không sợ mẹ tôi thờ dài. Dù sao thì cũng cảm ơn mày, con ác mộng của tao, nhưng bây

giờ xin tạm biệt nhé! Tôi cúi đầu nói thầm với trái bí cuối cùng đang nằm lẫn lóc trong góc bếp trước khi cung tay cốc cho nó một phát.

(Trích *Hạ đỏ*, Nguyễn Nhật Ánh, Nxb Trẻ, 2019)

Câu 1 (0,5đ): Xác định ngôi kể của truyện.

Câu 2 (0,5đ): Chỉ ra những điều người mẹ lo lắng cho đứa con khi phải học hành vất vả được thể hiện trong đoạn trích.

Câu 3 (1đ): Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “*Cuối năm lớp chín, tôi học bù đầu, người xanh như tàu lá*”.

Câu 4 (1đ): Bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về tình cảm của nhân vật tôi đối với người mẹ của mình được thể hiện qua chi tiết “*Thấy mẹ buồn, tôi cũng buồn lây. Nhưng tôi chẳng biết cách nào an ủi mẹ. Tôi đành phải nín thở nuốt trọn một tô canh bí đỏ cho mẹ vui lòng*”.

Câu 5 (1đ): Rút ra được thông điệp mà anh/chị tâm đắc sau khi đọc văn bản.

II. VIẾT (6.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

*"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm".*
(Trích "Tây Tiến"- Quang Dũng)

Và

*"Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan".*
(Trích "Việt Bắc"- Tố Hữu)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian làm bài: 90 phút
(Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	Ngôi thứ nhất: Nhân vật xưng tôi	0,5
	2	Người mẹ lo cho sức khỏe của người con, vì người xanh như tàu lá, thân hình còm nhom của con.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ: So sánh: “ <i>người xanh như tàu lá</i> ”. - Tác dụng: + Tạo tính sinh động, tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu văn. + Nhấn mạnh ấn tượng về ngoại hình của nhân vật tôi vì phải học hành vất vả.	0,5
	4	- Người con trong câu chuyện cảm nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc, nỗi lo lắng của người mẹ dành cho mình nên cố gắng làm cho mẹ vui lòng. Đó là vẻ đẹp của lòng hiếu thảo.	1,0

	5	<p>- Học sinh trình bày theo cách hiểu và có lí giải hợp lí, thuyết phục. Học sinh trình bày thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân. Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của văn bản và mang tính đạo đức, nhân văn. Chẳng hạn như:</p> <p>+ Thông điệp về tình yêu thương, sự chăm sóc, nỗi lo lắng của người mẹ dành cho con là vô bờ bến không gì có thể so sánh được..</p> <p>+ Chúng ta nên cố gắng làm cho cha mẹ vui lòng..</p>	1,0
II. Viết		<p>a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p> <p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm nhận về hai đoạn thơ</i></p>	0.5
		<p>1.1. Mở bài Giới thiệu, dẫn dắt vào vấn đề và trích đoạn thơ xuất hiện đoàn quân trong 2 tác phẩm:</p> <p>1.2. Thân bài</p> <p>1. Khái quát chung: Giới thiệu 2 tác giả và 2 tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> Quang Dũng là gương mặt tiêu biểu của nền thơ ca trong thời kỳ kháng chiến chống pháp. Với một hồn thơ hào hoa, lãng mạn thấm đượm tình quân dân. Bài thơ "Tây Tiến" được tác giả viết vào 1948 ở Phù Lưu Chanh, ban đầu có tên là "Nhớ Tây Tiến" sau đó năm 1957 khi in lại trong tập "Mây đầu ô" tác giả đã đổi nhan đề thành "Tây Tiến". Tổ Hữu là cánh chim đầu đàn của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Thơ ông là sự kết tinh hài hòa giữa chất chính trị và chất trữ tình, lãng mạn. Bài thơ "Việt Bắc" vừa là bản tình ca về tình cảm quân dân trong kháng chiến, vừa là bản hùng ca về cuộc kháng chiến chống Pháp <p>2. Nêu cảm nhận về 2 đoạn thơ</p> <p>2.1. Đoạn thơ trong bài "Tây Tiến"</p> <p>a. <i>Vẻ đẹp bi thương hào hùng của đoàn quân Tây Tiến trên đường hành quân "Tây tiến đoàn binh không mọc tóc. Quân xanh màu lá dữ oai hùm":</i></p> <p>- Phân tích các hình ảnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hình ảnh "không mọc tóc" "xanh màu lá" là hậu quả của những ngày tháng hành quân và những cơn sốt rét rừng làm con người ta tiêu tụy. "đoàn binh" gọi ra một đội ngũ đông đảo, hùng hực khí thế chiến đấu. "quân xanh màu lá" có thể hiểu là màu lá ngụy trang, hay là màu da xanh, gầy yếu của những chiến sĩ vì sốt rét, vì cuộc sống kham khổ nơi rừng thiêng nước độc "dữ oai hùm" sự đối lập giữa ngoại hình và tính cách, phong độ, tinh thần sức mạnh chiến đấu của những người lính. 	0,5 0,5 1,0

	<p>- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ tài tình của nhà thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cách nói "không mọc tóc" chứ không phải là "tóc không mọc" cách nói hóm hỉnh, lạc quan, vui tươi không ngại khó khăn. • "đoàn binh" chứ không phải "đoàn quân" gợi lên sự mạnh mẽ lạ thường. "dữ oai hùng" là một dáng vẻ oai phong lẫm liệt. Do đó, chất thơ có hiện thực mà vẫn lãng mạn, bi mà vẫn tráng. <p><i>b. Những người lính mang vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn của những chàng trai Hà thành: "Mắt trừng gửi mộng qua biên giới. Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"</i></p> <p>- Người chiến sĩ gửi "mộng" từ nơi biên cương tổ quốc đầy bóng giặc về Tổ quốc, đôi "mắt trừng" ấy như cháy lên ngọn lửa tình yêu Tổ quốc, lòng căm thù với tội ác của giặc, mang theo khát vọng và ý chí quyết chiến, quyết thắng.</p> <p>- Họ không chỉ là những con người biết cảm sung, cảm gương theo tiếng gọi của non sông mà họ cũng có một trái tim dạt dào tình cảm, dành một góc về "Hà Nội dáng kiều thơm".</p>	1,0
	<p>2.2. Đoạn thơ bài "Việt Bắc"</p> <p><i>a. Vẻ đẹp hào hùng của đoàn quân: "Những đường Việt Bắc của ta. Đêm đêm rầm rập như là đất rung. Quân đi điệp điệp trùng trùng":</i></p>	0,25
	<p>- Đại từ sở hữu "của ta" vang lên đồng đặc thể hiện niềm tự hào của những người con được làm chủ đất nước.</p> <p>- Những từ láy và động từ mạnh được sử dụng liên tiếp: "rầm rập", "điệp điệp", "trùng trùng", "rung" kết hợp với biện pháp so sánh, tác giả đã giúp ta tái hiện ra cảnh đoàn quân của dân và quân ta ngày đêm tiến về mặt trận, mỗi bước đi mang cả sức mạnh của dân tộc, của tinh thần yêu nước và lý tưởng cách mạng.</p>	0,25
	<p><i>b. Vẻ đẹp lãng mạn của hình ảnh "Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan":</i></p> <p>- Có nhiều cách hiểu về hình ảnh "ánh sao": đó là ánh sao sáng trên trời hay cũng có thể là ánh sáng của ngôi sao trên chiếc mũ cối, biểu tượng cho lý tưởng của cách mạng soi đường cho người lính bước đi.</p> <p>- Liên hệ với hình ảnh "Đầu súng trăng treo" trong thơ Chính Hữu</p>	0,5
	<p>2.3. So sánh hình ảnh đoàn quân trong 2 đoạn thơ</p> <p>- Giống nhau: đều khắc họa hình ảnh người lính vừa hào hùng, lãng mạn, bay bổng, toát lên vẻ đẹp người lính và tinh thần yêu nước nồng nàn.</p>	0,25
	<p>- Khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đoạn thơ trong "Tây Tiến" khắc họa đoàn quân mang vẻ đẹp bi tráng nhưng cũng hào hoa lãng 	0,5

		<p>mạn, cùng sự ước mơ về một cuộc sống hòa bình.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đoạn thơ trong "Việt Bắc" khắc họa vẻ đẹp đoàn quân trong kháng chiến lãng mạn gắn liền với hiện thực. • Nhận xét về phong cách thơ của hai tác giả: Quang Dũng là một chàng trai rất hào hoa, nên thơ ông có cái lãng mạn rất riêng. Còn Tố Hữu, thơ ông là thơ trữ tình cách mạng mang vẻ đẹp của thể thơ 6-8 và luôn có cái nhìn lạc quan, tin tưởng vào cách mạng. <p>- Lí giải lí do:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đây đều là những tác phẩm sáng tác trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp với tinh thần và ý chí hào hùng, quyết tâm cao độ của bao thế hệ bộ đội cụ Hồ. + Mỗi nhà thơ đều có đặc điểm phong cách, bút pháp riêng. + Cảm hứng sáng tác bắt nguồn từ ý thức ca ngợi người lính, ca ngợi cuộc kháng chiến với tinh thần và khí thế chiến đấu hết mình vì cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. <p>1.3. Kết bài</p> <p>Khẳng định lại vấn đề và giá trị của tác phẩm cũng như vị trí của 2 tác giả trong nền văn học Việt Nam và trong lòng độc giả.</p> <p>c. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>d. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</p>	
--	--	---	--

ĐỀ 14

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hộ vốn nghèo. Hấn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hấn, hấn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hấn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hấn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hấn đẹp. Đầu hấn mang một hoài bão lớn. Hấn khinh những lo lắng tầm mún về vật chất. Hấn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hấn ngày một thêm nảy nở. Hấn đọc, ngâm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hấn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hấn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Tì vào cuộc đời của hấn, hấn có cả một gia đình phải chăm lo. Hấn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hấn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhep, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngón một

phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiêng rặng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là dễ tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gọi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình?...

(Trích " **Đời thừa**"- Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn, NXB VH, Hà Nội, 2004, tr 273, 274)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 2: Đoạn văn trên viết về đề tài người nông dân hay người trí thức nghèo của Nam Cao trước Cách mạng?

Câu 3. Tác dụng của phép liệt kê trong câu văn sau: “Hắn đọc, ngâm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán”.

Câu 4. Em nhận xét gì về nhân vật chính trong đoạn văn trên.

Câu 5: Thông điệp cuộc sống mà em rút ra qua câu văn sau:

“Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng”.

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận so sánh chi tiết kết thúc trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao (Sau khi nghe tin Chí Phèo chết, “thị nhìn nhanh xuống bụng và thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua) với chi tiết kết thúc trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân “Trong óc Tràng hiện lên đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới”.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức: tự sự Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: không cho điểm	0,5
	2	Đề tài : người trí thức nghèo Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: không cho điểm.	0,5
	3	Liệt kê: Đọc, ngâm nghĩ, tìm tòi, suy tưởng Tác dụng: -Nhấn mạnh tình yêu, niềm say mê văn chương của Hộ	1,0

		-Giúp câu văn sinh động, hấp dẫn Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được một tác dụng: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm.	
	4	- Hộ là người say mê văn chương - Hộ là người khát khao viết được những tác phẩm nghệ thuật chân chính, khát khao sáng tạo Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 1,0 điểm - Học sinh trình bày 1 ý: 0,5 điểm Học sinh không trình bày được hoặc tư tưởng sai lệch: 0 điểm	1,0
	5	- Cần sống một cuộc sống có lí tưởng, có niềm say mê - Khi sống có niềm say mê, có lí tưởng cao đẹp, con người ta sẽ vượt qua được những khó khăn, thử thách Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 1,0 điểm - Học sinh trình bày 1 ý: 0,5 điểm Học sinh không trình bày được hoặc tư tưởng sai lệch: 0 điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học	0,2
			5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận So sánh chi tiết kết thúc trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao với chi tiết kết thúc trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục. Sau đây là một số gợi ý: I. MỞ BÀI -Giới thiệu hai tác giả, tác phẩm -Giới thiệu hai chi tiết kết thúc II. THÂN BÀI 1. So sánh: a. Giống nhau -Hai chi tiết truyện đều phản ánh hiện thực tăm tối của người dân trước Cách mạng. -Đều giàu sức gợi, tạo được dư âm với người đọc, để người đọc tưởng tượng, suy ngẫm, phán đoán. b. Khác nhau	4.5

	<p>-Chi tiết kết thúc trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao: + Hình ảnh chiếc lò gạch cũ đã tạo nên kết cấu vòng tròn của tác phẩm. + Gây ấn tượng về sự bế tắc của số phận người nông dân</p> <p>-Chi tiết kết thúc trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân: + Là kết thúc mở + Tạo lối kết thúc có hậu, mở ra hướng giải thoát số phận nhân vật Tràng và gia đình, giúp họ đổi đời, thoát khỏi tình trạng đói nghèo, hướng họ tới cuộc sống tốt đẹp, tươi sáng + Làm câu chuyện mang âm hưởng lạc quan</p> <p>*Lí giải sự khác nhau</p> <p>2. Ý nghĩa</p> <p>- Hai chi tiết truyện đã thể hiện tư tưởng nhân đạo của hai nhà văn.</p> <p>III. KẾT BÀI</p> <p>- Đánh giá chung về hai chi tiết</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	0,5
Tổng điểm		10.

ĐỀ 15

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)***Đồng dao của đất***

(1) Tôi ngửi thấy mùi quê hương trong không gian ...

Ngai ngái rạ rơm

Nồng hương lúa mới

Dọc theo nỗi nhớ

Bài đồng dao gọi bước chân về...

(2)... Là lời kể của Bà đầu đầu hồn quê

Ngày xưa tháng ba ngày tám

Những đôi chân lấm bùn vào lam lũ

Những đôi vai gánh oằn mưa nắng;

(4) Tôi gặp quê trong mùa trảy hội

Bông bênh quan họ ngọt ngào lời ru

Những câu đồng dao ngấm vào hạt lúa

Thổi thành no ấm

Nồi cơm Thạch Sanh gọi bầy trẻ lớn lên

Những hoàng hôn cong cánh diều bay

Ngất ngưỡng lưng trâu sáo diều cao vút

Quên lũ khoai không nhóc ngủ trên đồng...

Tôi bời rụng xuống
 Đường như hoa gạo bột đỏ
 Chuồn chuồn thót bụng bay

(5)Đổ bên trời kỷ niệm chảy dòng sông
 Hội làng rộn ràng bến đợi
 Nỗi nhớ cất lời: Người ơi, người ở...
 Phù sa thời gian nở ra...

(3)Bầy sáo tan tác
 dáng chiều
 tức tưởi...

1997

(Vi Thuý Linh, *Khát*, NXB Phụ nữ, 2007)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình của bài thơ.

Câu 2. Xác định ít nhất 2 từ hoặc cụm từ chỉ ý niệm thời gian được nhắc tới trong bài thơ trên.

Câu 3. Phân tích tác dụng của phép điệp có trong những dòng thơ sau:

*Những đôi chân lấm bùn vào lam lũ
 Những đôi vai gánh oằn mưa nắng;*

Câu 4. Bài thơ giúp anh/ chị hiểu gì về quê hương qua cảm nhận của nhân vật “tôi”?

Câu 5. Nhận xét về hình thức của khổ thơ:

*Bầy sáo tan tác
 dáng chiều
 tức tưởi...*

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm).

Viết bài văn nghị luận (600 chữ) so sánh, đánh giá một nét tương đồng, một nét khác biệt trong 2 đoạn trích từ 2 truyện ngắn sau đây.

(1) Bí ẩn của làn nước (Bảo Ninh)

...Nước đã ngập làng. Tôi về, kẹp diu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lồi đi trong đêm đen. Đến khi mái ra sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con trai... con trai mà... con trai... Để yên em ẵm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỏi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quẫy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn ngào với lên: Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy, người ơi...

Một bàn tay nhót và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thảng thốt, và "ùm", con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Con tôi...! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngầu bùn, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhào vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi... Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đầy ắp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Uả ra cả máu tai máu mũi mà không những không

cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy tôi cũng không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rực, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ôn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chăn chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

- Con tôi... - Tôi khóc, đỡ lấy bọc chăn, - Con tôi!

Thời gian trôi qua và triển nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, điều bí mật ấy, không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

(Bảo Ninh, *Những truyện ngắn*, NXB Trẻ, 2021)

(2) Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn)

Gần một giờ đêm, trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị Hà lên lên to quá, khúc đê làng... thuộc phủ... xem chừng núng thế lắm, hai ba đoạn đã thấm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kẻ hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ hết sức giữ gìn, kẻ thuổng kẻ thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp nào cừ, bị bơm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy ướt lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh trông thật thảm.

Than ôi. Sức người khó lòng địch nổi sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất, ấy lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân yếu hèn mà chống với mưa to gió lớn, để bảo thủ lấy tính mạng, gia tài, thế thời quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng: đang ở trong đình kia. Cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to thế nào cũng không việc gì.

Trong đình đèn thấp sáng trưng, nha lệ, lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập mới kê ở gian giữa, có một mình quan phụ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên người nhà quỳ dưới đất mà gõ. Một tên lính lệ đứng bên, cầm cái quạt lông chốc chốc lại phe phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay chực hầu điều dóng. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi ngút, tráp đòi mỗi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng... trông mà thích mắt.

Ngoài kia tuy mưa gió âm âm, dân phu rồi rít, nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch, nghiêm trang lắm: trừ quan phụ mẫu mọi người không dám to tiếng. So với cảnh trăm họ đang lấm láp, gọi gió tằm mưa như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ, nguy nga: nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới, người nhà lính lệ khoanh tay sắp hàng, nghi vệ tôn nghiêm, như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi: "Điều mày", tiếng tên lính hầu thưa: "Dạ"; tiếng thầy đề hỏi: "Bẩm bosc", tiếng quan lớn truyền: "ừ". Kẻ này "Bát sách! ăn". Người kia "thất văn".... "Phổng", lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái; khi cười, khi nói, vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh. [...]

(Nguyễn Cừ, *Phạm Duy - Phạm Duy Tốn* tác phẩm chọn lọc, NXB Văn học, 2002)

... HẾT....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	<p>- Nhân vật trữ tình: tôi</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>+ Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>+ Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	0.5
	2	<p>- Những từ ngữ chỉ ý niệm thời gian được nhắc tới trong bài thơ: <i>Ngày xưa, tháng ba tháng tám, dáng chiều, mùa trăng hội, hoàng hôn, thời gian</i></p> <p>* Lưu ý:</p> <p>+ Trả lời từ 2 ý trở lên: 0.5 điểm</p> <p>+ Trả lời 1 ý: 0.25 điểm</p> <p>+ Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	0.5
	3	<p>- Phép điệp: <i>Những...</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Tạo tính liên kết, nhịp điệu dàn trải cho câu thơ.</p> <p>+ Nhấn mạnh hình ảnh những con người lao động lam lũ, vất vả qua hình ảnh <i>đôi chân</i> lấm bùn, những đôi vai oằn xuống vì gánh</p>	1.0

	<p>nặng mưu sinh</p> <p>+ Qua đó bộc lộ tâm lòng đồng cảm và sự gắn bó giữa nhà thơ với con người mà mảnh đất quê hương.</p> <p>* Lưu ý: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p> <p>- Trả lời đầy đủ, có sức thuyết phục: 1,0 điểm (mỗi ý: 0.25 điểm)</p> <p>- Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	
4	<p>- Quê hương qua cảm nhận của nhân vật “tôi”:</p> <p>+ Là không gian làng quê vừa gần gũi, bình dị, thân quen với mùi ngai ngái của rơm rạ, mùi thơm nồng của lúa mới, những cánh diều bay, tiếng sáo diều vi vu; vừa đượm buồn trong buổi hoàng hôn “dáng chiều tức tuổi</p> <p>+ Là không gian sinh sống của những con người lam lũ, vất vả chân lấm tay bùn, dãi nắng dầm mưa, những đứa trẻ chăn trâu,...</p> <p>+ Là không gian ngọt ngào của lời ru, những câu hát quan họ, những bài đồng dao.</p> <p>+ Là một không gian văn hoá của những hội làng, lễ hội.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng cần nêu đúng bản chất vấn đề.</p> <p>- Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm.</p> <p>- Trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	1.0
5	<p>Nhận xét về hình thức của khổ thơ:</p> <p style="text-align: center;">Bầy sáo tan tác</p> <p style="text-align: center;">dáng chiều</p> <p style="text-align: center;">tức tuổi...</p> <p>- Hình thức (0.5 điểm)</p> <p>+ Khổ thơ chỉ có 1 câu, tách thành 3 dòng, mở đầu viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm lửng;</p> <p>+ lối viết vắt dòng <i>dáng chiều/ tức tuổi (...)</i></p>	1.0

		<p>- Nhận xét (0.5 điểm)</p> <p>+ Hình thức tự do, độc đáo.</p> <p>+ Góp phần thể hiện mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, đồng thời tạo nhạc tính cho bài thơ: vừa ngập ngừng, ngắt quãng vừa ngân vang.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>+ Nhận xét hợp lí, thuyết phục, sâu sắc về vấn đề: 0.5 điểm/ ý</p> <p>+ Nhận xét chung chung, sơ sài: 0.25 điểm.</p> <p>+ Không nhận xét: không cho điểm.</p>	
II		VIẾT	6.0
		Viết bài luận so sánh, đánh giá nét tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm: <i>Bí ẩn của làn nước</i> - Bảo Ninh và <i>Sóng chết mặc bay</i> – Phạm Duy Tồn.	2.0
		<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài.</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: So sánh, đánh giá nét tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm: <i>Bí ẩn của làn nước</i> - Bảo Ninh và <i>Sóng chết mặc bay</i> – Phạm Duy Tồn.</p>	0.25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</p> <p>- Xác định được các ý chính của bài viết</p> <p>- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:</p> <p>* Mở bài</p> <p>- Giới thiệu 2 tác phẩm và tác giả cần so sánh; vấn đề (điểm chung giữa 2 tác phẩm đề yêu cầu so sánh).</p> <p>- Nêu bình diện cần so sánh và vị trí của chúng đối với tác phẩm dự luận.</p> <p>Thân bài</p> <p>* Điểm chung ở 2 tác phẩm (dùng hình ảnh/chi tiết giàu ý nghĩa):</p> <p>- Thể loại: truyện ngắn.</p>	0.5

	<p>- Bối cảnh, tình huống gay cấn, nguy hiểm bởi thiên tai, lũ lụt.</p> <p>→ 2 tác giả chọn thể loại truyện ngắn và bối cảnh lũ lụt để phản ánh cuộc sống và bản chất con người.</p> <p>- Phong cách hiện thực; tư tưởng nhân đạo (xót thương thảm cảnh con người trước thiên tai...).</p> <p>* Điểm khác biệt:</p> <p>- Sống chết mặc bay - Phạm Duy Tồn: tố cáo sự vô nhân đạo, bất nhân của bọn quan lại, mang đậm giá trị hiện thực, nhân đạo cao cả về tình người.</p> <p>- Bí ẩn của làn nước - Bảo Ninh: Trong những tình huống nguy nan, ranh giới sống chết chỉ như sợi tóc, con người vẫn có thể sống yêu thương, đùm bọc, sẻ chia, thậm chí hy sinh cả sinh mạng cho người khác, cao thượng, nhân hậu.</p> <p>* Lý giải sự khác biệt: căn cứ vào hoàn cảnh ra đời của 2 tác phẩm, góc nhìn và sự sáng tạo của mỗi nhà văn.</p> <p>Kết bài</p> <p>- Nhận thức, đánh giá của cá nhân về ý nghĩa của từng tác phẩm (bình diện đã so sánh ở trên).</p> <p>- Đánh giá sự đóng góp, thành công của từng nhà văn (rút ra từ phần phân tích trên) đối với nền văn học.</p>	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p> <p>- Sử dụng thành thạo thao tác so sánh, tổng hợp, chứng minh.</p> <p>- Dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ, luận điểm.</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng vẫn phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0.5
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p>	0.25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.25
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 16

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: NGỮ VĂN 12

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

*Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.*

*Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha!
Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
(Trích: **Đất nước** – Nguyễn Đình Thi)*

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn thơ trên.

Câu 2: Tìm từ ngữ miêu tả hình ảnh mùa thu Hà Nội trong khổ thơ đầu của đoạn thơ trên.

Câu 3: Nêu ý nghĩa nhan đề của đoạn thơ trên.

Câu 4: Phân tích hiệu quả của phép điệp được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta*

Câu 5: Anh/chị hãy nêu cảm nhận của mình về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam được thể hiện đoạn thơ trên.

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Anh/chị hãy so sánh và đánh giá về hai đoạn thơ sau:

*Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng*

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
 Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp.
 Quê hương ta từ ngày khùng khiếp
 Giặc kéo lên ngàn ngục lửa hung tàn
 Ruộng ta khô
 Nhà ta cháy
 Chó ngọ một đàn
 Lưỡi dài lê sắc máu
 Kiệt cùng ngõ thẳm bờ hoang
 Mẹ con đàn lợn âm dương
 Chia lìa trăm ngã
 Đám cưới chuột đang tung bừng rộn rã
 Bây giờ tan tác về đâu?

(Trích: **Bên kia sông Đuống** – Hoàng Cầm)

Quê hương tôi có con sông xanh biếc
 Nước gương trong soi tóc những hàng tre
 Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
 Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng
 Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng
 Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?
 Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!
 Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ
 Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ
 Sông của miền Nam nước Việt thân yêu.

(Trích: **Nhớ con sông quê hương** – Tế Hanh)

ĐÁP ÁN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KỲ I

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Phong cách ngôn ngữ của đoạn thơ trên: Nghệ thuật Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: Không cho điểm	0,5
	2	Những từ ngữ miêu tả hình ảnh mùa thu Hà Nội trong khổ thơ đầu của đoạn thơ trên: Sáng mát trong Gió thổi mùa thu - hương cốm mới Sáng chớm lạnh Những phố dài xao xác hơi may Lá rơi đầy.	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được như đáp án: 0,5 điểm. (Học sinh chỉ cần chọn được 04 hình ảnh, chi tiết là có thể cho 0,5 điểm) - Học sinh trả lời được 02 hình ảnh, chi tiết như đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: Không cho điểm 	
3	<p>Câu 3: Nêu ý nghĩa nhan đề của đoạn thơ trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một chân dung nghệ thuật có tầm khái quát,, có vẻ đẹp hào sảng, hiên ngang. - Bộc lộ niềm tự hào, tình yêu thiết tha với đất nước. - Thể hiện tình cảm thiêng liêng, máu thịt của một người con mang dòng máu Việt Nam. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý trong 03 ý trên: 0,5 điểm - Học sinh trả lời không đúng: Không cho điểm 	1,0
4	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Phân tích hiệu quả của phép điệp được sử dụng trong hai câu thơ sau:</p> <p><i>Trời xanh đây là của chúng ta</i></p> <p><i>Núi rừng đây là của chúng ta</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khắc sâu, nhấn mạnh nội dung biểu đạt. - Khẳng định chủ quyền lãnh thổ và độc lập dân tộc. - Bộc lộ niềm tự hào, tự tôn dân tộc. - Học sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời còn sơ sài: 0,5 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: Không cho điểm 	1,0
5	<p>Nêu cảm nhận về hình ảnh đất nước và con người Việt Nam được thể hiện đoạn thơ trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh một đất nước tươi đẹp với những cảnh sắc thiên nhiên sinh động, trù phú, tràn đầy sức sống. + Hình ảnh một đất nước tự do, độc lập, ngập tràn niềm vui và hạnh phúc. - Hình ảnh con người Việt Nam giàu tình yêu đất nước; mang trong tim niềm tự hào, tự tôn dân tộc; luôn một lòng gắn bó với quê hương đất nước. <p>(Học sinh có thể nhận ra thêm nhiều thông điệp khác nhau, nhưng phải hợp lí, thuyết phục.)</p>	1,0

		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời được như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh đưa ra 01 ý : 0,5 điểm - Học sinh trả lời không phù hợp: Không cho điểm 	
II		VIẾT	4.0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh không đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>So sánh và đánh giá về hai đoạn thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm. 	0,25
		<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>* Mở bài:(0,5 điểm)</p> <p>Giới thiệu được hai đoạn thơ cần so sánh, đánh giá.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thuyết phục, hấp dẫn: 0,5 điểm - Giới thiệu chưa thực sự hấp dẫn: 0,25 điểm <p>* Thân bài:(2,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về hai tác giả. - Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm - So sánh được về hai đoạn thơ trên các phương diện giống và khác nhau về cả nội dung, nghệ thuật và lí giải được cơ sở của sự giống và khác đó. + Giống: Về đề tài, về tình cảm dành cho quê hương của các tác giả; + Khác: Về cảnh sắc, về hoàn cảnh, về hiện thực của quê hương và tâm trạng trước cảnh sắc, hiện thực đó. Bên cạnh đó còn khác về thể thơ, nhịp điệu thơ, cách xây dựng hình ảnh thơ,... - Cơ sở tạo nên sự giống và khác của hai đoạn thơ + Điều có cội nguồn là tình yêu quê hương đất nước. + Do cá tính nghệ thuật của mỗi thi nhân khác nhau. + Do hoàn cảnh của mỗi miền quê khác biệt. 	3,0

	<p>+ Do nhưng nét riêng trong cảnh sắc, trong văn hóa mỗi miền quê,...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- So sánh, đánh giá đầy đủ, sâu sắc, dẫn chứng phù hợp, thuyết phục: 2,0 điểm.</p> <p>- So sánh, đánh giá chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,25 điểm – 1,75 điểm.</p> <p>- So sánh chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.</p> <p>* Kết bài:(0,5 điểm)</p> <p>Khẳng định vị trí, đóng góp của tác mỗi tác giả, tác phẩm với đời sống văn học dân tộc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trình bày được 2 ý: 0.5 điểm</p> <p>- Trình bày được 1 ý: 0.25 điểm</p> <p>* Lưu ý: Giáo viên chấm căn cứ bài làm của học sinh để linh hoạt cho điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh, có giọng điệu riêng; cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo; văn phong trôi chảy; kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và kiến thức tiếng Việt để bài viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	0,25
	Tổng điểm	10,0

----- Hết -----